

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế với nhiều biến động đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết cách tạo cho mình một chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý là làm thế nào để sử dụng hiệu quả nguồn vốn để từ đó sinh ra được lợi nhuận mong muốn. Trong nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ như hiện nay, kế toán đã trở thành công cụ đặc biệt quan trọng, bằng hệ thống các phương pháp khoa học kế toán đã thể hiện được tính ưu việt của mình trong việc bao quát toàn bộ tình hình tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách đầy đủ và chính xác. Đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Là sinh viên khoa kế toán-kiểm toán Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng được tham gia thực tập công tác kế toán tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam, em đã chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

Nội dung khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận sự giúp đỡ nhiệt tình từ các cô chú, anh chị kế toán và sự hướng dẫn của cô giáo thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh nhưng bài viết sẽ không tránh khỏi những sai sót và nhiều hạn chế. Em hy vọng những ý kiến của em sẽ góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, vì vậy các doanh nghiệp cần tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc và có hiệu quả công tác quản lý, tiết kiệm chi phí và nâng cao doanh thu và lợi nhuận. Nhiệm vụ của mỗi doanh nghiệp là chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ đồng thời thay đổi cải tạo công nghệ mới tăng sức cạnh tranh trước các đối thủ.

Các doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước rất nhiều khó khăn và thử thách, để đứng vững và phát triển các doanh nghiệp đều phải hoạt động theo nguyên tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp bị lỗ. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Việc xác định kết quả kinh doanh thường được làm cuối kỳ kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cho doanh nghiệp mà rất cần thiết cho các đối tượng quan tâm khác: Nhà đầu tư, khách hàng, người lao động, ngân hàng...

1.1.2: Các khái niệm cơ bản.

1.1.2.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

• **Doanh thu bán hàng:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ các nghiệp vụ bán sản phẩm, hàng hóa. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng không bao gồm thuế GTGT, còn các doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là giá trị thanh toán của số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực số 14 Ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng bộ tài chính doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời cả năm điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định một cách tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- + Bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển theo hình thức vận chuyển hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là :
 - Bên bán đã chuyển hàng đến đại điểm người mua
 - Bên bán đã thu tiền hàng hoặc đã được bên mua nhận nợ
- + Phương thức bán lẻ hàng hóa thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng

+ Phương thức đại lý ký gửi thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng từ bên đại lý ký gửi.

• **Doanh thu cung cấp dịch vụ:** là số tiền thu được từ các giao dịch, phản ánh doanh thu cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu cung cấp dịch vụ là tổng giá trị thanh toán của các dịch vụ đã thực hiện.

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

Là các khoản làm giảm tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, bao gồm các khoản sau:

- ✓ **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại bên bán.
- ✓ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng bị kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu
- ✓ **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng

chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:** là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

• **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

• **Doanh thu nội bộ:** Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty, tính theo giá nội bộ.

• **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị, lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đạt được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm tiền lãi tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

• **Thu nhập khác:** Là khoản doanh thu doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán thanh lý Tài sản cố định.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản

- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Thu các khoản nợ phải trả không các định được chủ.
- + Thu nhập quà biếu tặng...
- + Các khoản thu khác

1.1.2.2. Chi phí:

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm:

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ giá vốn bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển, chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng. Các chi phí bằng tiền khác...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm: các chi phí nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp., các khoản thuế phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác...

- **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các vấn đề về vốn, hoạt động đầu tư tài chính, các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho

vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí về cho thuê tài sản, thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác...

• **Chi phí khác:** là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ năm trước. Nội dung của các khoản chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

• **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

1.1.2.3 Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu với các khoản chi phí trong một kỳ nhất định. Kết quả kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Kết quả hoạt động đầu tư tài chính: là chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính

+ Kết quả hoạt động khác: Là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Lợi nhuận trước thuế : là tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chủng loại, và giá trị.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi đôn đốc các khoản phải thu.

- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định đúng kết quả kinh doanh để cung cấp số liệu cho các bên liên quan, thu hút vốn đầu tư cho doanh nghiệp, giữ vững uy tín cho doanh nghiệp trong mối quan hệ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn giá trị gia tăng; Hóa đơn bán hàng thông thường
- + Hợp đồng mua bán
- + Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, giấy báo có.
- + Phiếu nhập, phiếu xuất, thẻ kho...

- **Tài khoản sử dụng:**

- + **Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- Chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp trợ giá.
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 5118: Doanh thu khác

+ Tài khoản 512 : Doanh thu bán hàng nội bộ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Bên nợ:

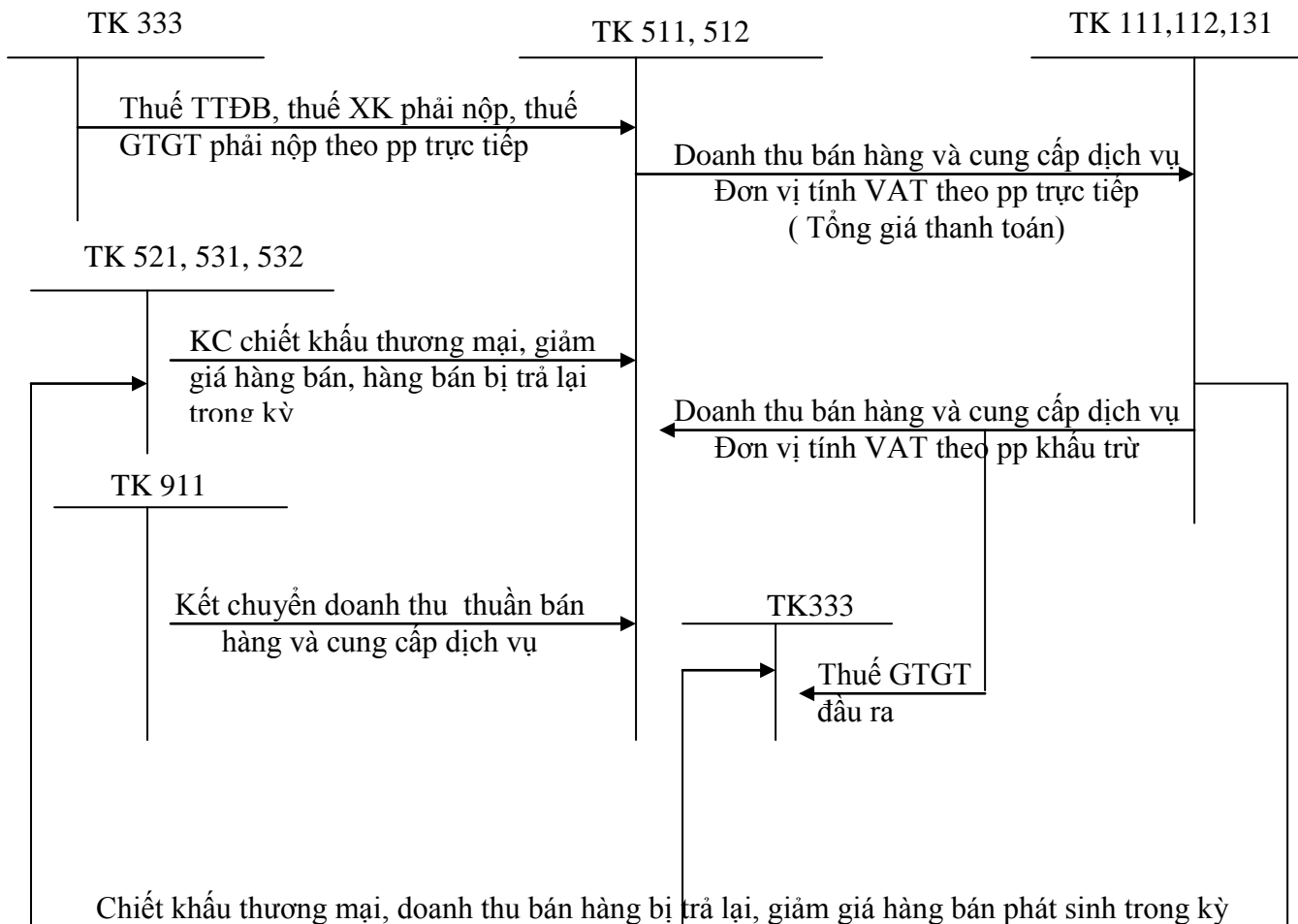
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911

Bên có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. TK 512 có 3 tài khoản cấp 2:
 - TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
 - TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm
 - TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ 1.1:



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

• **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn giá trị gia tăng; hóa đơn bán hàng thông thường
- + Hợp đồng mua bán;
- + Các chứng từ thanh toán: phiếu chi, ủy nhiệm chi...
- + Các chứng từ khác liên quan: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

• **Tài khoản sử dụng:**

+ **Tài khoản 521: chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Bên nợ:

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có:

Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư

+ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Bên nợ:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

Bên có

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK 531 không có số dư cuối kỳ

+ Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Bên có:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

+ Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Bên nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách nhà nước
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại

Bên có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tài khoản 333 số dư bên Có : số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

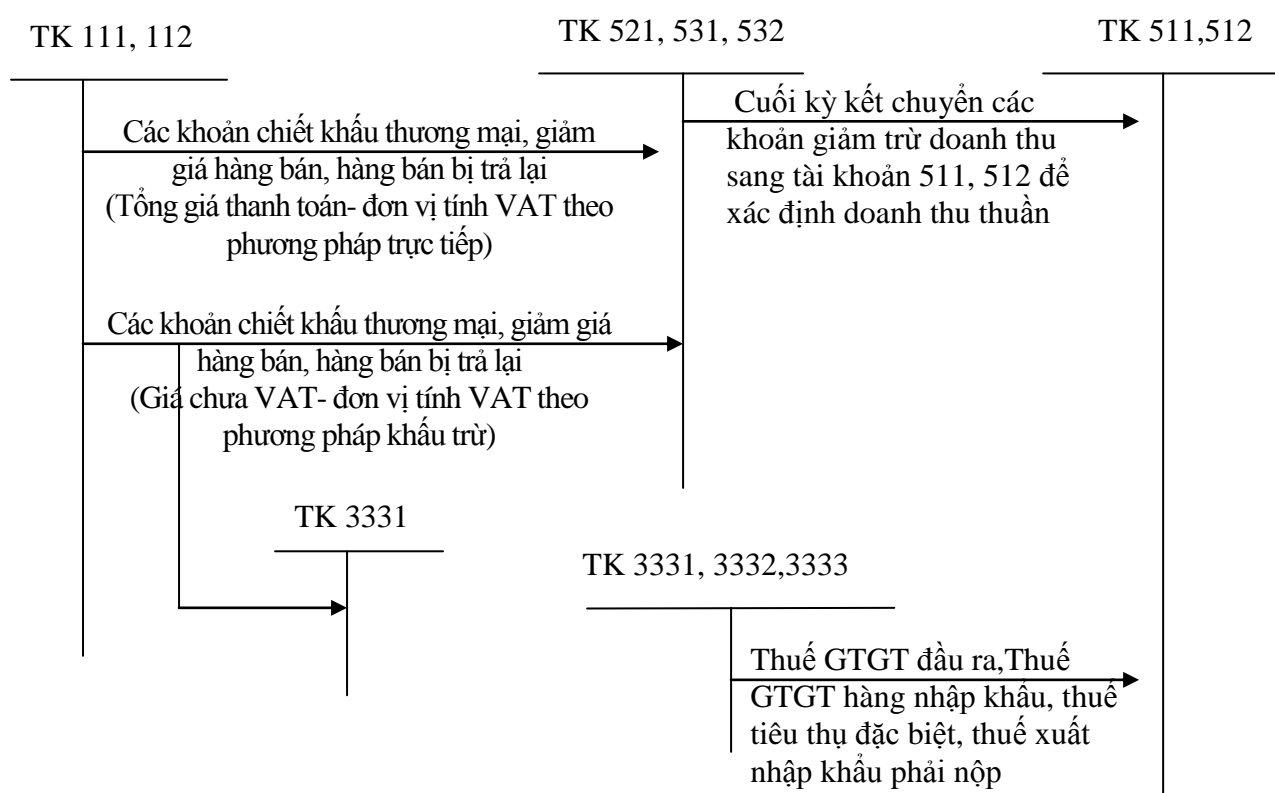
Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2. Một số tài khoản cấp 2 của tài khoản 333 như:

- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
- TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- TK 3333: Thuế xuất, nhập khẩu
- TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 3335: Thuế thu nhập cá nhân

...

- **Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:**

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:



Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3: Kế toán giá vốn hàng bán

- **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu xuất kho
- + Hợp đồng kinh tế
- + các chứng từ khác liên quan

- **Tài khoản sử dụng:**

a, Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- + **Tài khoản 632: giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng xuất bán đã được chấp nhận thanh toán hoặc đã được thanh toán và kết chuyển trị giá vốn sang TK 911.

Bên nợ:

- Giá vốn hàng đã bán
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là đã tiêu thụ
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ tài khoản 911.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

Các tài khoản khác có liên quan: 155,156, 157,159, 911

b, Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- + Tài khoản 611: Mua hàng

Tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ.

TK 611 có 2 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 6111: Mua nguyên vật liệu
- Tài khoản 6112: Mua hàng hóa

- + Tài khoản 631: Giá thành sản xuất

- Việc tính giá hàng tồn kho được áp dụng một trong các phương pháp sau:

a, Phương pháp giá thực tế đích danh:

Trị giá hàng xuất kho được xác định trên giả định khi xuất kho vật tư, hàng hóa thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập hàng hóa, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của đơn đó.

b, Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng hóa xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

$$\text{Giá thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}}{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

Đơn giá bình quân có thể được tính một trong 2 cách sau:

- Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ: Theo phương pháp này, cuối kỳ kế toán mới đi xác định giá bình quân từ đó mới xác định được trị giá xuất từng ngày trong kỳ.
- Giá đơn vị bình quân liên hoàn: Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập đó.

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Giá trị hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

c, Phương pháp nhập trước xuất trước(FIFO):

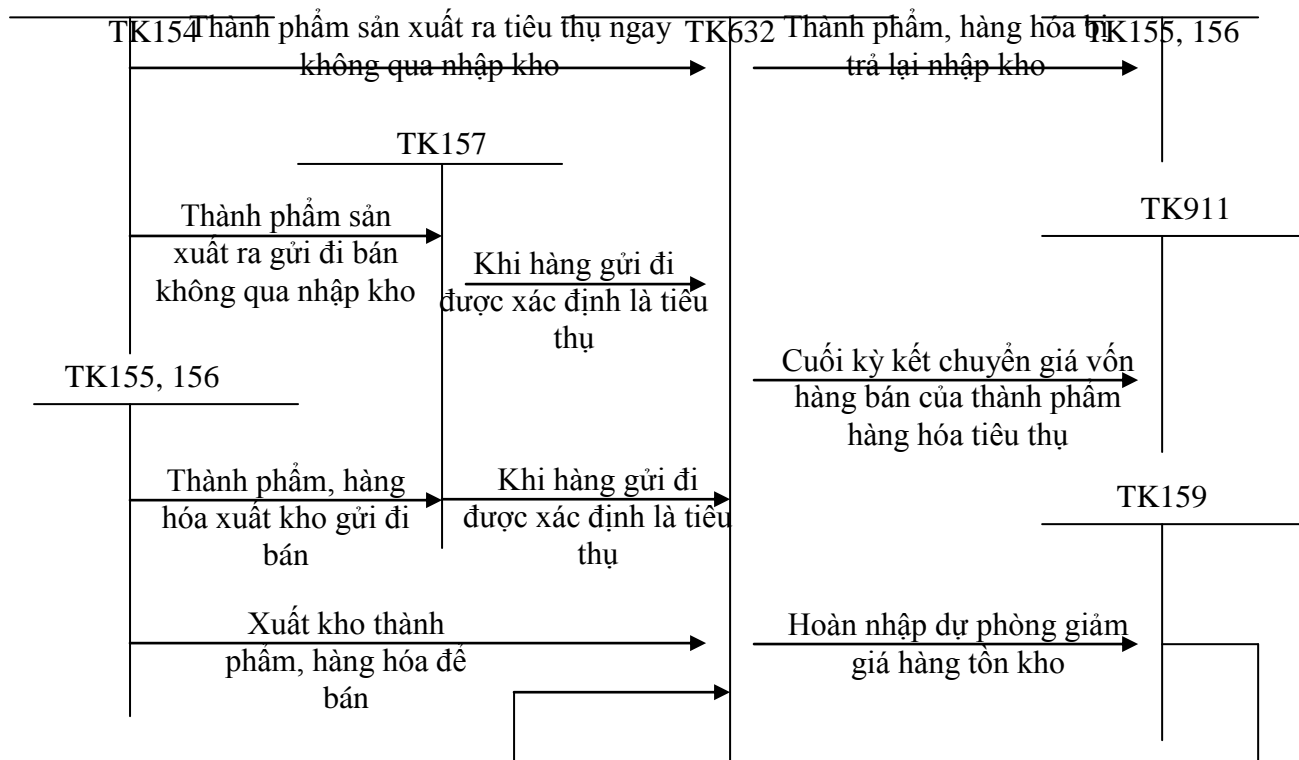
Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa xuất kho được xác định trên giả định hàng nào nhập trước thì xuất trước. Lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn kho cuối cùng được xác định theo giá vật tư, hàng hóa nhập cuối cùng.

d, Phương pháp nhập sau xuất trước(LIFO):

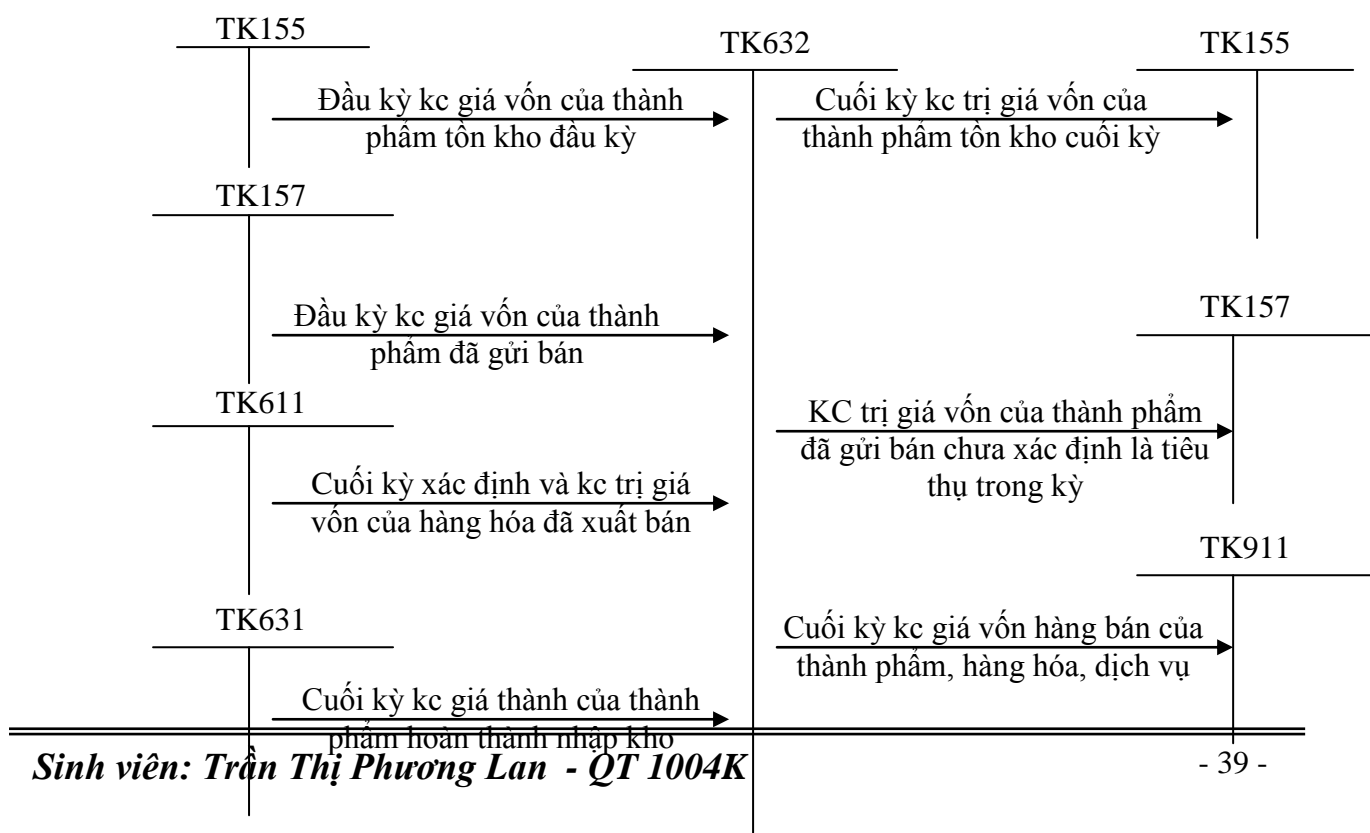
Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa xuất kho được xác định trên giả định hàng nào nhập sau thì xuất trước. Lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của hàng hóa những lần nhập đầu tiên.

• **Phương pháp hạch toán:**

Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.3 và phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.4



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

• **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho, Phiếu chi
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Các chứng từ khác có liên quan

• **Tài khoản sử dụng:**

- + Tài khoản 641: Chi phí bán hàng.

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ

Bên nợ:

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Bên có:

Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 641 không có số dư. Gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411: chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412: chi phí vật liệu bao bì
- Tài khoản 6413: chi phí dụng cụ đồ dùng
- Tài khoản 6414: chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415: chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417: chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418: chi phí bằng tiền khác

- + Tài khoản 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Bên nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
- Số dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911

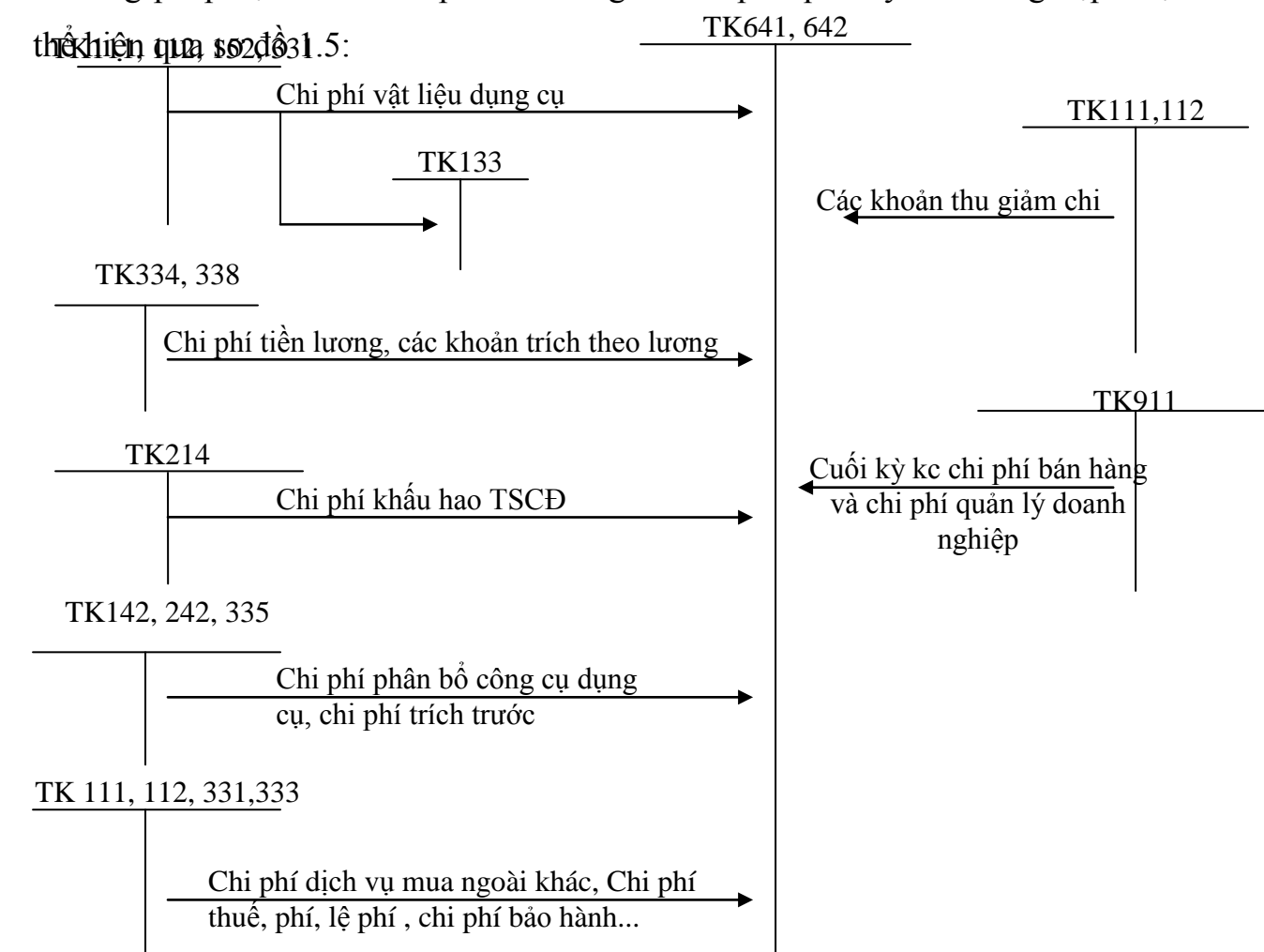
Tài khoản 642 không có số dư. Gồm 8 tài khoản cấp 2

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí dụng cụ văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí, lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

• **Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được

thực hiện qua sơ đồ 3.5:



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

• **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Các hợp đồng vay vốn
- Giấy báo nợ, Giấy báo có
- Các chứng từ khác: phiếu thu, phiếu chi...

• **Tài khoản sử dụng:**

+ Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh... của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoang thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính

Tài khoản 515 không có số dư

+ Tài khoản 635: Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp

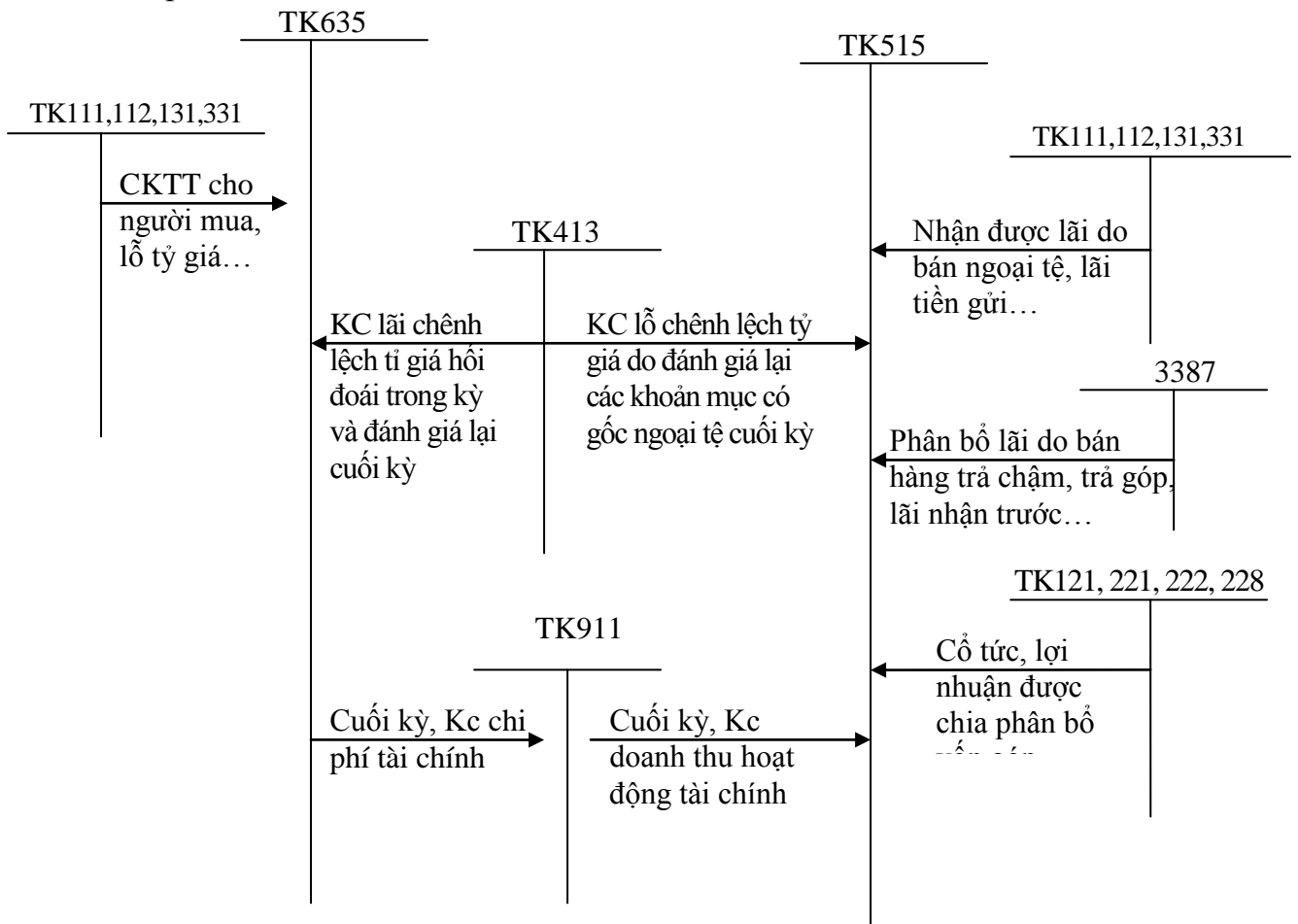
Bên nợ :

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính
- Lãi bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ kinh doanh
- Các khoản chi phí tài chính khác

Bên có:

- các khoản giảm chi phí tài chính
 - Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911
- **Phương pháp hạch toán.**

Phương thức hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6



Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng kinh tế

- **Tài khoản sử dụng:**

+ Tài khoản 711: thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang tài khoản 911

Bên có:

Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư

+ Tài khoản 811: Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp

Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

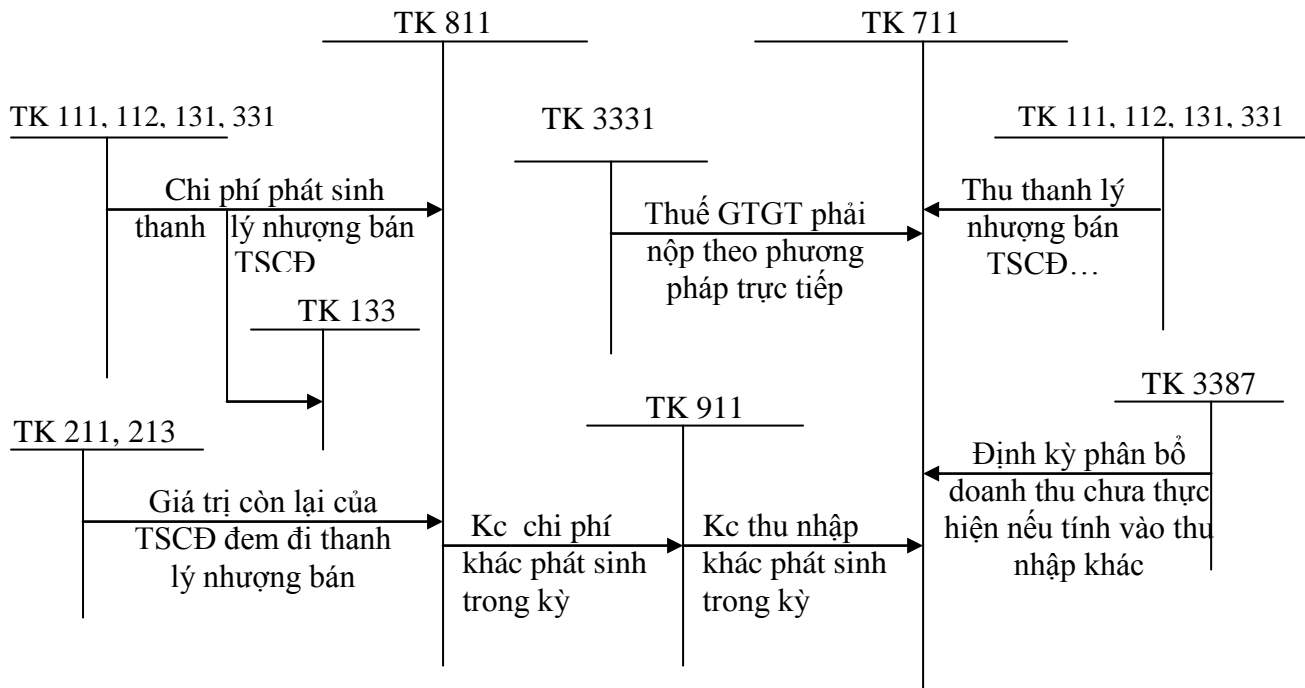
Bên có:

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911

Tài khoản 811 không có số dư

- **Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác, chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7



Sơ đồ 1.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Bên nợ:

- Trị giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác
- Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng
- Kết chuyển lãi

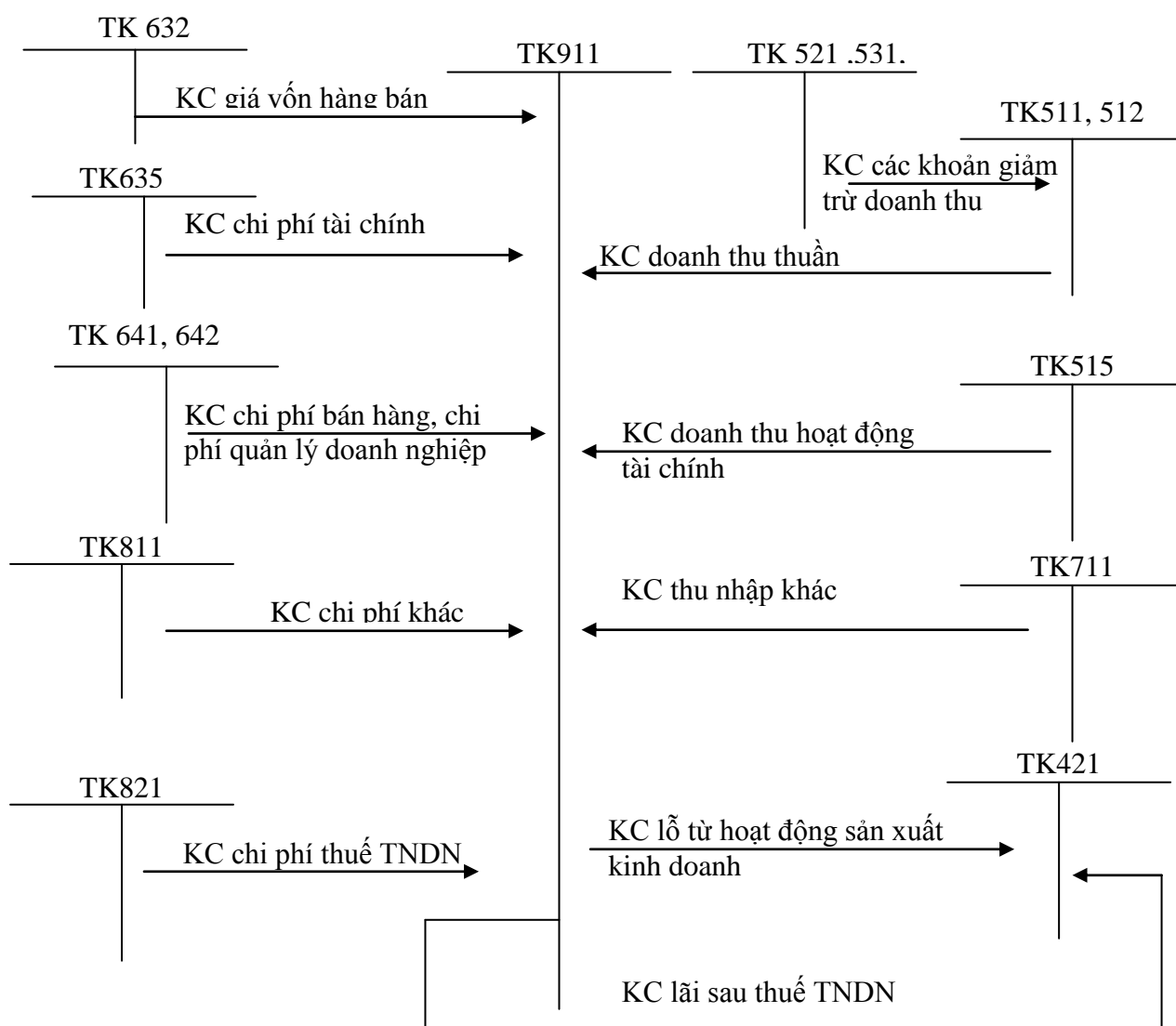
Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư

• **Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẢI NAM

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 16/01/2006.

Địa điểm: An Lư – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mã số thuế: 0200658685

Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam được thành lập chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa và kinh doanh than mỏ.

***Ngành, nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh, sản xuất vật liệu xây dựng
- Kinh doanh kho tàng, bến bãi, nhiên liệu, chất đốt, than mỏ, xăng dầu bôi trơn, kim khí, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng máy thủy-bộ, máy phát điện.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan.
- Vận tải ven biển quốc tế.
- Vận tải và dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa thủy-bộ.
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, bến bãi, san lấp mặt bằng, cơ sở hạ tầng.
- Thanh thải luồng lạch, tìm kiếm cứu nạn, trục vớt tàu đắm.
- Phá dỡ tàu cũ. Sửa chữa, đóng mới tàu thủy.
- Nuôi trồng thủy sản.

***Hoạt động chính của công ty :**

Hoạt động chính của công ty là vận tải biển, công ty nhận những hợp đồng chuyên chở hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu theo tuyến Bắc- Nam, Trung Quốc . Công ty CPĐT &PT Hải Nam là một trong những công ty có uy tín cao và hoạt động hiệu quả tại An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

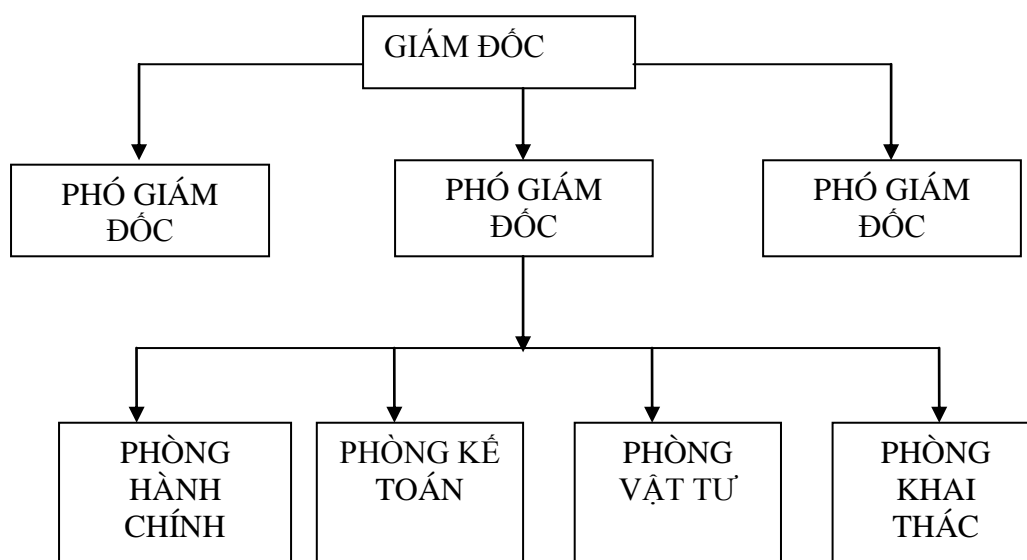
Công ty đang khai thác 8 tàu, tổng trọng tải **11.975 tấn**. Tuyến vận chuyển chủ yếu là Bắc Nam, mặt hàng chủ yếu là than, xi măng, clinke... Kế hoạch trong tương lai công ty sẽ đóng thêm tàu trọng tải lớn để vận chuyển biển quốc tế ra một số nước Châu Á như Trung Quốc, Singapor, Thái Lan... Mặc dù vận tải biển đang gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên chỉ mang tính thời điểm, Công ty vẫn xác định vận tải biển là ngành nghề phát triển chủ lực nên không ngừng phát triển đội tàu..

Theo số liệu phân tích trên Báo cáo tài chính của công ty nhiều năm cho thấy vốn vay chiếm tỷ trọng lớn trên tổng vốn. Điều này tạo ra khó khăn cho công ty trong việc chi trả lãi vay hàng năm. Các nhà quản lý công ty đã biết khai thác nguồn vốn chiếm dụng này để đầu tư và phát triển kinh doanh. Tuy nhiên vốn vay thì khó có thể đảm bảo sự chủ động trước hoạt động đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp trong dài hạn. Từ năm 2008 đến nay ngành vận tải biển chịu nhiều thách thức trước sự khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Công ty CP đầu tư và phát triển Hải Nam cũng đang đương đầu trước sóng gió đó, công ty đang cố gắng thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng này, để ngày càng vươn xa ra biển quốc tế...

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý

* Cơ cấu tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hải Nam là một doanh nghiệp nhỏ nên bộ máy quản lý gọn nhẹ

- Bộ phận quyết định mọi hoạt động của công ty là Hội đồng Quản trị
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty là ông Trần Văn Nam điều hành và quản lý mọi hoạt động của công ty thông qua các phó giám đốc bộ phận
- Ba Phó giám đốc quản lý theo chức năng, bộ phận
- Ông Trương Thanh Tung (*quản lý hoạt động tổ chức và điều hành*)
 - Ông Ngô Sỹ Hiếu (*quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh*)
 - Bà Vũ Thị Tuyên (*quản lý tài chính*).



Sơ đồ 2.1.1 . Cơ cấu tổ chức quản lý tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Hạch toán giữ vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý kinh doanh, là công cụ hữu hiệu trong việc cung cấp thông tin về hoạt động tài chính của doanh nghiệp, giúp lãnh đạo doanh nghiệp điều hành, giám sát, quản lý đạt hiệu quả cao các hoạt động kinh tế tài chính trong đơn vị cơ sở nói riêng và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung.

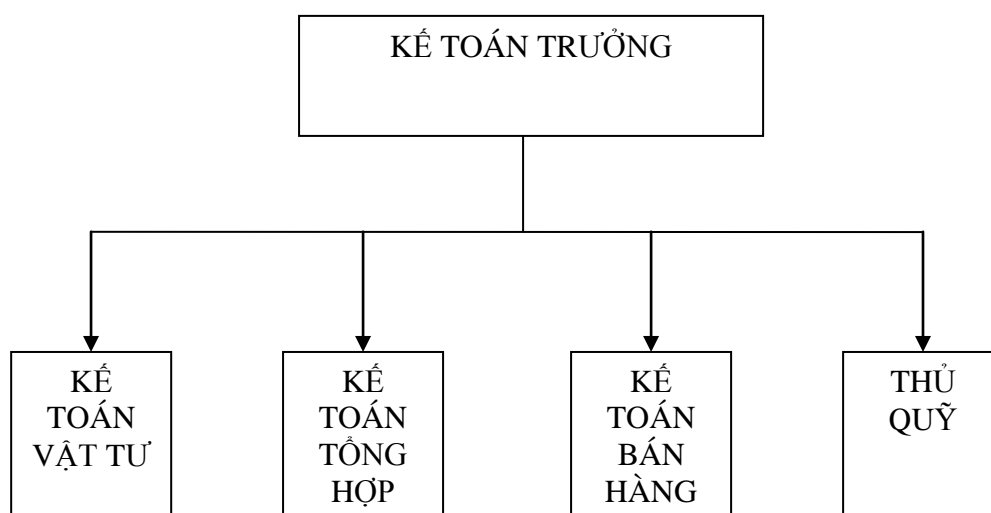
Do quy mô sản xuất của Công ty không lớn, nên công ty đã lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung, phù hợp với điều kiện của Công ty.

Toàn bộ công việc kế toán từ khâu thu thập, xử lý, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán, phân tích kết quả kinh doanh đều được tập trung thực hiện ở văn phòng của công ty.

Bộ máy kế toán của công ty bao gồm: 5 người, được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung phù hợp với quy mô trình độ lao động và cơ cấu lao động của công ty. Kế toán theo dõi phản ánh các nghiệp vụ phát sinh, lập dự toán hàng năm, theo dõi phản ánh tình hình tài sản của công ty, tổng kết và báo cáo tình hình hàng quý, hàng năm thông qua báo cáo tài chính, tham mưu cho giám đốc đảm

bảo đúng quy chế của Bộ tài chính. Hiện nay phòng kế toán của công ty bao gồm: 1 kế toán trưởng, 3 kế toán viên và một thủ quỹ.

Sơ đồ bộ máy kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam



*Kế toán trưởng: Là người phụ trách chung, chịu trách nhiệm cao nhất trước giám đốc và cấp trên về công tác kế toán tài chính tại Công ty. Tổ chức và kiểm tra tình hình hạch toán, tình hình tài chính về vốn, huy động sử dụng vốn, tổng hợp các chi phí sản xuất từ các bộ phận kế toán, tính giá thành từng loại sản phẩm, xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Ngoài ra, còn lập các báo cáo tài chính cuối năm, lập báo cáo thuế, kê khai quyết toán thuế hàng tháng.

*Các nhân viên kế toán theo dõi, phản ánh các chứng từ phát sinh vào sổ sách kế toán liên quan đến phân hành kế toán được giao.

*Thủ quỹ: có nhiệm vụ cấp phát tiền cân đối quỹ.

2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14-09-2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14-09-2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống Sổ kế toán

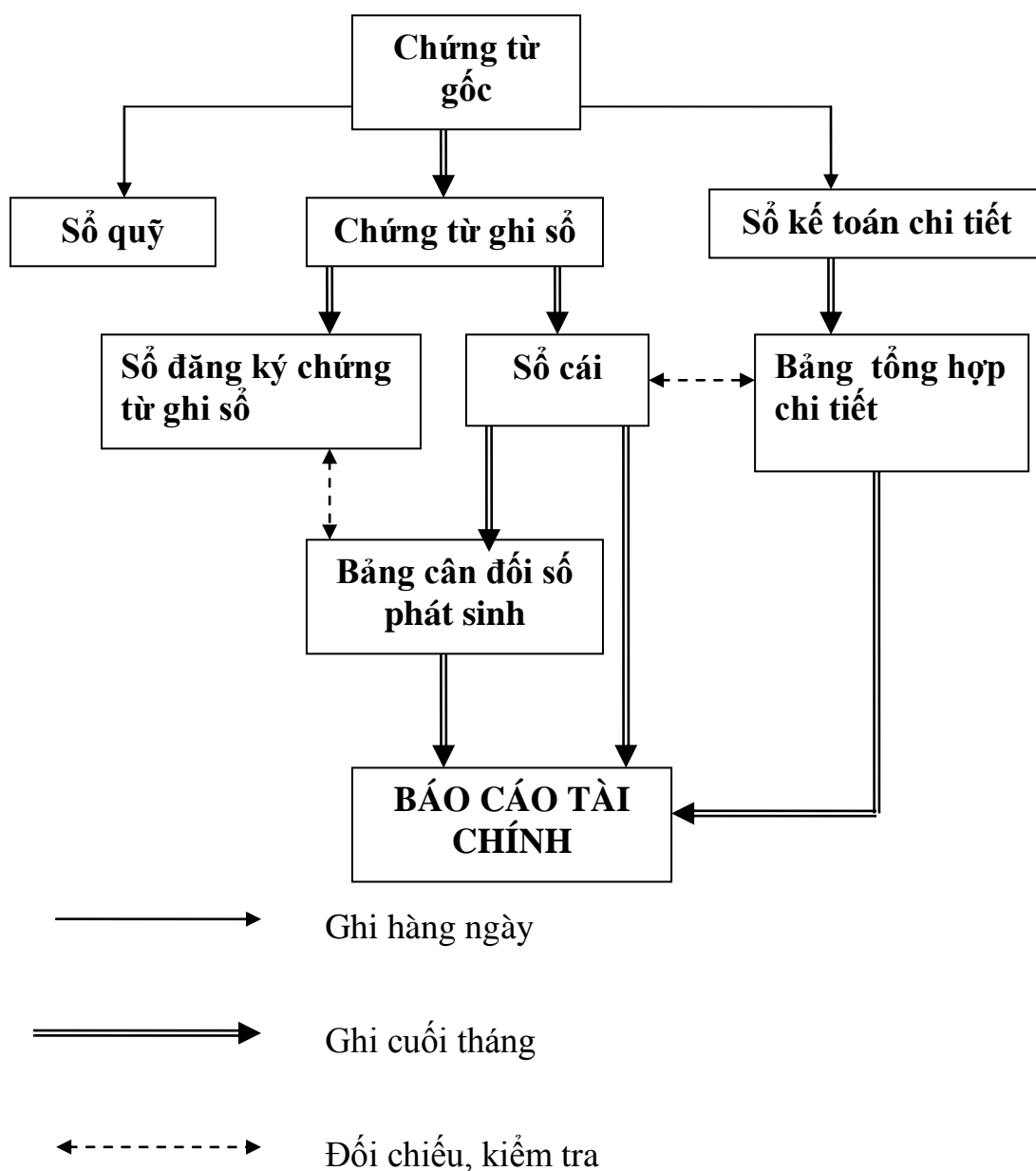
Công ty sử dụng Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

*Kỳ kế toán của công ty: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12

• **Trình tự ghi sổ kế toán:**

- Hàng ngày các chứng từ gốc Kế toán lưu giữ và phân loại để ghi sổ chi tiết, sổ theo dõi các tài khoản.
- Cuối tháng căn cứ vào các chứng từ gốc đó kế toán lập chứng từ ghi sổ, vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Cuối tháng căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi sổ cái các tài khoản, từ các sổ, thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết
- Sau khi khớp đúng số liệu giữa bảng tổng hợp với sổ cái, số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản dùng để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính
- Các chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong năm theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ.
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ Kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Sổ này vừa dùng để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ vừa để kiểm tra đối chiếu số liệu với Bảng cân đối số phát sinh

Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách theo sơ đồ 2.1.3



Sơ đồ 2.1.3 : Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính gồm : 05 loại theo quy định của chế độ kế toán. Hệ thống Báo cáo tài chính thực hiện theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006:

- Bảng cân đối kế toán (B01- DNN)
- Bảng cân đối số phát sinh (F01 – DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 – DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 – DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính(B09 – DNN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam doanh thu chủ yếu là doanh thu bán than, thép và doanh thu cước vận chuyển.

2.2.1.1: Chứng từ và tài khoản sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo nợ, giấy báo có,
 - Các chứng từ liên quan khác: phiếu nhập, phiếu xuất, ...
- Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty hoạt động kinh doanh bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ vận chuyển vì vậy có sử dụng 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5113: doanh thu cung cấp dịch vụ

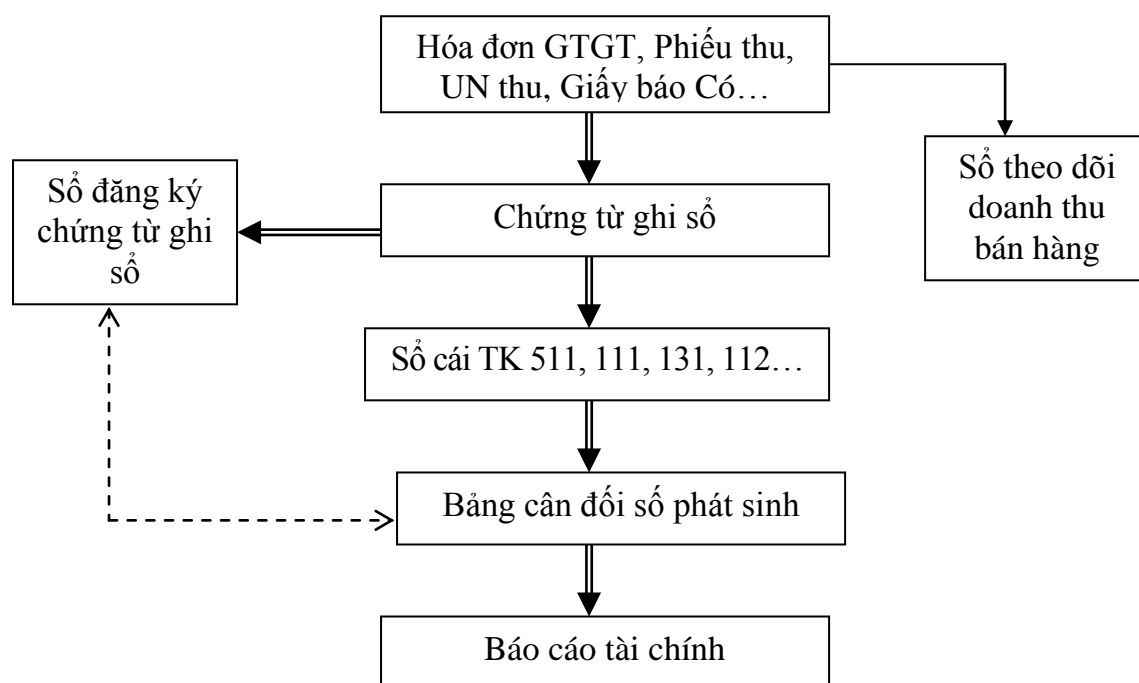
+ Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 333

2.2.1.2: Trình tự hạch toán:

- Hàng ngày căn cứ vào Hóa đơn GTGT, kế toán lập phiếu thu, phiếu chi. Cuối tháng kế toán tiến hành lập chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán lập sổ cái các tài khoản.

- Cuối quý kế toán đối chiếu sổ cái và các chứng từ liên quan để lập bảng cân đối tài khoản và báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty theo sơ đồ 2.2.1 sau:



Ghi chú :

Ghi hàng ngày :

Đối chiếu: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \longleftarrow

\Longrightarrow

Sơ đồ 2.2.1 Quy trình hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

Ví dụ: Công ty TNHH Trung Đức ký hợp đồng vận chuyên đá, vật tư với công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Hải Nam. Thanh toán bằng tiền Mặt.

Hóa đơn GTGT 0075960 ngày 25/12/2009.

Hóa đơn GTGT 0075961 ngày 26/12/2009

Căn cứ hoá đơn số 0075960 và hoá đơn 0075961 (biểu 2.1 và 2.2) kế toán viết Phiếu thu (biểu 2.3) và ghi vào Sổ doanh thu bán hàng (Bảng biểu 2.4)

Cuối tháng, tập hợp các chứng từ liên quan đến bán hàng kế toán lập chứng từ ghi sổ (Bảng biểu 2.5, 2.6) vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Bảng biểu 2.7), ghi sổ cái các tài khoản 511 (Bảng biểu 2.8), Sổ cái TK 111(bảng biểu 2.9)

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01 GTGT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			MV/2009		
Liên 3: (Lưu nội bộ)			0075960		
Ngày 25 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần ĐT & PT Hải Nam					
Địa chỉ: An Lư – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Số Tài khoản:.....					
Điện thoại:MS: 0200658685					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH SX Trung Đức.....					
Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: Tiền MặtMS : 0200769254					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước VC đá	M ³	5.019,5	82.000	411.600.000
	Theo hđ 09/HĐVC				
	Ngày 10/12/2009				
Cộng tiền hàng:					411.600.000
Thuế suất thuế GTGT: 5%....					Tiền Thuế: 20.580.000
Tổng cộng tiền thanh toán					432.180.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.1. Hoá đơn GTGT số 0075960

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01 GTGT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			MV/2009		
Liên 3: (Lưu nội bộ)			0075961		
Ngày 26 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần ĐT & PT Hải Nam					
Địa chỉ: An Lư – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Số Tài khoản:.....					
Điện thoại:MS: 0200658685					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị : Công ty TNHH SX Trung Đức.....					
Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: Tiền MặtMS : 0200769254					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước vận chuyển	tấn	3.561,14	62.500	222.571.429
	Theo hđ số 10 HĐKT				
	Ngày 20 /12/2009				
Cộng tiền hàng:					222.571.429
Thuế suất thuế GTGT: 5%....			Tiền Thuế:		11.128.571
Tổng cộng tiền thanh toán					233.700.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn ./.					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.2. Hoá đơn GTGT số 0075961

Công ty CPĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số 01-TT
Theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Số: 208

Ngày 26 tháng 12 năm 2009

Nợ TK 111 : 665.880.000
Có TK 511: 634.171.429
Có TK 3331: 31.708.571

Họ và tên người nộp tiền : Nguyễn Văn Hà

Địa chỉ : Công ty TNHH Sản xuất Trung Đức

Lý do nộp : thu cước vận chuyển theo HĐ075960 và HĐ 075961

Số tiền : 665.880.000

Viết bằng chữ : *Sáu trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.*

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 26 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

+Số tiền quy đổi:

Biểu 2.3. Phiếu thu

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ THEO DÕI DOANH THU BÁN HÀNG

Năm 2009

Chứng từ		Nội dung	Doanh thu					Thuế
HĐ	Ngày		Thép tấm	Than	Vận chuyên	Khác	Tổng	
....
		Tháng 12						
0075952	12/12	Thuê mặt bằng				56.592.000	56.592.000	5.659.200
0075954	18/12	Cho thuê máy xúc				35.454.545	35.454.545	3.545.455
0075955	23/12	Cước Vc cty TKV			931.984.000		931.984.000	46.599.200
0075956	23/12	Ổng thép các loại	1.195.779.280				1.195.779.280	59.788.965
0075958	23/12	Thép tấm	2.133.750.000				2.133.750.000	106.687.500
0075960	25/12	Cước VC			222.571.429		222.571.429	11.128.571
0075961	26/12	Cước VC			411.600.000		411.600.000	20.580.000
		Tổng cộng Tháng 12	3.329.529.280	-	1.566.155.429	92.046.545	4.987.731.254	253.988.891
		Cộng lũy kế từ đầu năm	89.043.193.429	9.586.865.237	11.663.176.153	92.046.545	110.385.281.364	5.269.877.502

Bảng biểu 2.4 . Sổ theo dõi doanh thu bán hàng

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 324

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
.....	
Cước VC Cty KTV	131	511	931.984.000	
Dthu bán ống thép các loại	111	511	1.195.779.280	
Dthu bán thép tấm	111	511	2.133.750.000	
Cước VC	111	511	222.571.429	
Cước VC	111	511	411.600.000	
Cộng			4.987.731.254	

Kèm theo...20....Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.5. Chứng từ ghi sổ

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 327

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
....
Cước VC Cty KTV	131	3331	46.599.200	
Thuế GTGT bán ống thép	111	3331	59.788.965	
Thuế GTGT bán thép tấm	111	3331	106.687.500	
Thuế GTGT cước VC	111	3331	11.128.571	
Thuế GTGT cước VC	111	3331	20.580.000	
Cộng			253.988.891	

Kèm theo...20....Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.6. Chứng từ ghi sổ

Công ty CP ĐT& PT Hải Nam

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
324	31/12	4.987.731.254
325	31/12	9.755.523.874
326	31/12	9.755.523.874
327	31/12	253.988.891
328	31/12	456.305
...
Cộng tháng		137.964.340.555
Cộng lũy kế		1.120.869.294.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.7: Trích Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ 2009

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI
Năm 2009
Tên Tk: Doanh thu
Số hiệu: 511

ĐVT: VND

NT ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
	
			Quý IV/ 2009			
31/10	272	31/10	Doanh thu cước VC	111		652.087.667
	273	31/10	Doanh thu bán than	111		1.312.452.237
...
31/12	324	31/12	Doanh thu cho thuê mặt bằng	111		56.592.000
		31/12	Doanh thu cho thuê máy xúc	111		35.454.545
		31/12	Doanh thu cước VC Cty KTV	131		931.984.000
		31/12	Doanh thu bán ống thép	111		1.195.779.280
		31/12	Doanh thu bán thép tấm	111		2.133.750.000
		31/12	Doanh thu cước VC	111		222.571.429
		31/12	Doanh thu cước VC	111		411.600.000
	325	31/12	Kết chuyển doanh thu Quý IV	911	7.713.177.323	
			Cộng lũy kế năm		110.385.281.364	110.385.281.364

Bảng biểu 2.8: Trích sổ cái TK 511 Quý IV/2009

SỔ CÁI
Năm: 2009
Tên tài khoản: Tiền mặt
Số hiệu: 111

NT ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
		
			Số dư đầu Tháng 12		<u>6.076.335.864</u>	
31/12	324	31/12	Thu tiền cho thuê máy xúc	511	35.454.545	
			Thu tiền cho thuê mặt bằng	511	56.592.000	
			Thu tiền bán ống thép	511	1.195.779.280	
			Thu tiền bán thép tấm	511	2.133.750.000	
			Thu cước vận chuyển	511	222.571.429	
			Thu cước vận chuyển	511	411.600.000	
	327	31/12	Thuế GTGT Cho thuê máy xúc	3331	3.545.455	
			Thuế GTGT Cho thuê mặt bằng	3331	5.659.200	
			Thuế GTGT vận chuyển	3331	11.128.571	
			Thuế GTGT vận chuyển	3331	20.580.000	
		
31/12	350	31/12	Phí BH vật chất xe ô tô	642		7.540.000
				133		754.000
		31/12	Phí đăng kiểm	642		2.150.238
				133		215.024
		31/12	đăng kiểm ô tô	642		277.619
				133		27.762
	
			Cộng phát sinh tháng 12		10.569.678.496	12.704.632.980
			Số dư cuối tháng 12		<u>3.941.381.380</u>	
			Cộng lũy kế từ đầu quý		110.504.814.805	110.509.532.486

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.9: Trích sổ cái TK 111 năm 2009

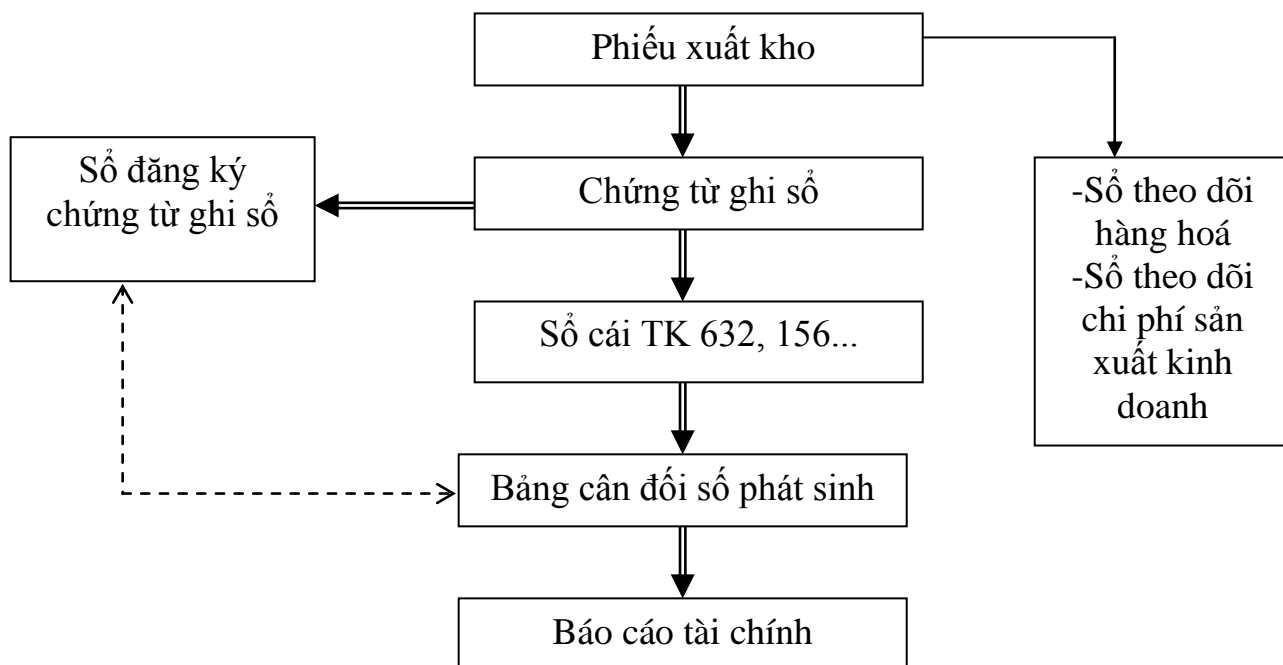
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Hải Nam

2.2.2.1: Kế toán giá vốn hàng bán

Khi bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán căn cứ vào hóa đơn để xác định doanh thu, đồng thời kế toán tính chi phí sản xuất, giá thành vận chuyển.

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu xuất kho
 - + Các chứng từ Khác
- Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
 - + Tài khoản 156: Hàng hoá
 - + Tài khoản 154: Chi phí sản xuất kinh doanh

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty:



Ghi hàng ngày →

Đối chiếu ← - - - - - →

Định kỳ ==>

Sơ đồ 2.2.2: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty

Ví dụ 1:

Ngày 23/12/2009 bán ống thép cho công ty TNHH SX và TM cơ khí Hồng Ký đã thanh toán bằng tiền mặt. Căn cứ hóa đơn GTGT (Biểu 2.10), kế toán viết phiếu xuất kho (Biểu 2.11) đưa xuống kho, thủ kho căn cứ đó xuất hàng. Căn cứ các chứng từ đó kế toán ghi sổ theo dõi chi tiết hàng hoá (bảng biểu 2.12), Cuối tháng kế toán tập hợp các chứng từ gốc lập chứng từ ghi sổ (Bảng biểu 2.13), vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Bảng biểu 2.14) và ghi sổ cái tài khoản 156. (Bảng biểu 2.15)

*Đối với dịch vụ vận chuyển, Hàng ngày kế toán tập hợp các chứng từ liên quan đến vận chuyển và chi phí sản xuất để ghi vào sổ theo dõi chi phí sản xuất kinh doanh. Cuối tháng tập hợp chi phí tính giá thành vận chuyển và chi phí sản xuất. Kế toán lập các phiếu kế toán và căn cứ vào đó lập chứng từ ghi sổ, vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và ghi sổ cái tài khoản 632.

Ví dụ 2:

Căn cứ hoá đơn GTGT số 0099510 mua dầu máy ngày 31/12/2009 (Biểu 2.16), kế toán viết phiếu chi (Biểu 2.17) đưa thủ quỹ chi tiền.

Hàng ngày kế toán ghi sổ theo dõi chi phí sản xuất kinh doanh (Bảng biểu 2.18). Cuối tháng sau khi tập hợp chi phí và tính giá thành kế toán lập chứng từ ghi sổ (Bảng biểu 2.19) ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Bảng biểu 2.20) và ghi sổ cái tài khoản 632 (Bảng biểu 2.21)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 23 tháng 12 năm 2009			Mẫu số : 01 GTGT- 3LL BN/2009B 0075956		
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hải Nam.....					
Địa chỉ: An Lư- Thủy Nguyên- Hải Phòng.....					
Số Tài khoản:.....					
Điện thoại:MS: 0200658685					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: : Công ty TNHH SX- TM cơ khí Hồng Ký					
Địa chỉ: 38 Tân Lân – Khu phố 71 Bình Trị Đông A – Quận Tân Bình					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: Tiền MặtMS : 0200558881					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Ống thép	Kg	103.228,5	11.583,8	1.195.779.280
Cộng tiền hàng:					1.195.779.280
Thuế suất thuế GTGT: 5%....			Tiền Thuế:		59.788.965
Tổng cộng tiền thanh toán					1.255.568.245
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>Nguyễn Văn Thương</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.10

PHIẾU XUẤT KHO

Số 167

Ngày 23 tháng 12 năm 2009

Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Hùng

Theo HĐGTGT số 0075956 ngày 23 tháng 12 năm 2009 của công ty TNHH SX- TM cơ khí Hồng Ký

Xuất tại kho : Tam Hưng

Số T	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Ống thép	OT	Kg	103.228.5	103.228,5	11.083.7	1.144.171.195
Cộng							1.144.171.195

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn./.

Nhập, ngày 23 tháng 12 năm 2009

Người giao hàng
Phạm Văn Hùng

Thủ kho
Lê Văn Linh

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Tuấn

Thủ trưởng đơn vị
Trần Văn Nam

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ THEO DÕI HÀNG HÓA

Năm:2009

Tên TK: Hàng hóa

Tên hàng: thép

Loại tiền :VNĐ

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
	
		<u>Tháng 12</u>							712.052,7	8.737.429.321
0075956	23/12	Xuất bán ống thép	Kg	11.083.7			103.228,5	1.144.171.195	608.824,2	7.593.258.126
0075958	23/12	Xuất bán thép tấm	Kg	13.021			170.700	2.222.758.760	438.124,2	5.370.499.366
		Cộng phát sinh					273.928,5	3.366.929.955		
		<u>SDCK:</u>							438.124,2	5.370.499.366

Bảng biểu 2.12. Trích Sổ theo dõi hàng hoá (Tháng 12/2009)

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 349

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Xuất bán ống thép	632	156	1.114.171.195	
Xuất bán thép tấm	632	156	2.222.758.760	
Cộng			3.366.929.955	

Kèm theo...4....Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.13

Công ty CP ĐT& PT Hải Nam

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
349	31/12	3.366.929.955
350	31/12	9.967.856
351	31/12	4.641.214
352	31/12	7.079.920
...
Cộng tháng		137.964.340.555
Cộng lũy kế		1.120.869.294.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.14: Trích Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên Tk: Hàng hóa

Số hiệu: 156

NT ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
		
			SD ĐK tháng 12		<u>8.737.429.321</u>	
31/12	349	31/12	Xuất bán ống thép	632		1.144.171.195
			Xuất bán thép tấm	632		2.222.758.760
			Cộng phát sinh Tháng 12			3.366.929.955
			<u>SDCK</u>		5.370.499.366	
			Cộng lũy kế năm		67.771.525.396	92.680.851.809

Bảng biểu 2.15 .Trích sổ cái TK 156 tháng 12/2009.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 31 tháng 12 năm 2009			Mẫu số : 01 GTKT- 3LL CE/2009B 0099510		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Cát Phương.....					
Địa chỉ : Trang Quan- An Đông - An Dương - Hải Phòng.....					
Số Tài khoản:					
Điện thoại:MS: 0200669006					
Họ tên người mua hàng: Trần Hoàng Nguyên.....					
Tên đơn vị: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hải Nam					
Địa chỉ: An Lư- Thủy Nguyên- Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: TM.....MS : 0200658685					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Dầu nhờn Mobil	lit	40	33.325	1.333.000
2	Dầu special	lit	12	41.000	492.000
Cộng tiền hàng:					1.825.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%....			Tiền Thuế:		182.500
Tổng cộng tiền thanh toán					2.007.500
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu không trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kê toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Bảng biểu 2.16

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số 01-TT
Theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: 201

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nợ TK 154 : 1.825.000
Nợ TK 133 : 182.500
Có TK 111: 2.007.500

Họ và tên người nhận tiền : Trần Hoàng Nguyên

Địa chỉ : Nhân viên văn phòng

Lý do chi : Mua dầu máy

Số tiền : 2.007.500

Viết bằng chữ : Hai triệu không trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng chẵn./.

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

+Số tiền quy đổi:

Bảng biểu 2.17

SỔ THEO DÕI CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2009

Chứng từ		Nội dung	TK đôi ứng	Chi vận chuyển	Chi chế biến than
Số HĐ	ngày				
...	
		Tháng 12			
....
HĐ0025910	08/12/09	Phí rút hàng	111	1.331.048	
HĐ0044926	13/12/09	ống thép các loại	111	6.921.430	
HĐ024186	19/12/09	Nộp phí bảo hiểm tàu	111	43.639.985	
HĐ055254	23/12/09	Thuê bao tàu HV36	111	90.000.000	
HĐ076347	30/12/09	Phí + lệ phí lí lịch tàu	111	500.000	
HĐ099510	31/12/09	mua dầu cho máy	111		1.825.000
	31/12/09	Xuất dầu cho tàu	152	704.769.943	
	31/12/09	Chi mua vt lẻ	111		1.008.000
	31/12/09	XĐ lương phải trả CNV	334	175.300.000	
	31/12/09	Trích KH TSCĐ	214	419.809.663	
....
		Cộng Tháng 12		1.305.588.632	123.075.569
		Cộng lũy kế năm		20.219.170.747	8.126.062.334

Bảng biểu 2.18. Trích sổ theo dõi chi phí sản xuất kinh doanh T12/2009

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 30

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển giá thành vận chuyển tháng 12	632	154	1.305.588.632
	Cộng			1.305.588.632

Công ty CPĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 31

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển Chi phí sản xuất than	632	154	123.075.569
	Cộng			123.075.569

Công ty CPĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 348

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
KC Giá thành vận chuyển	632	154	1.305.588.632	
KC chi phí sản xuất than	632	154	123.075.569	
Cộng			1.428.664.201	

Kèm theo...2....Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Tuấn

Bảng biểu 2.19

Công ty CP ĐT& PT Hải Nam

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
348	31/12	1.428.664.201
349	31/12	3.366.929.955
350	31/12	9.967.856
...
Cộng tháng		137.964.340.555
Cộng lũy kế		1.120.869.294.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.20: Trích Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên Tk: giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

DVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
	
			Quý IV/ 2009			
31/10	289	31/10	Giá thành than và vận chuyển	154	2.077.889.880	
30/11	313	30/11	Giá thành vận chuyển	154	962.674.654	
31/12	349	31/12	Xuất bán ống thép	156	1.114.171.195	
			Xuất bán thép tấm	156	2.222.758.760	
31/12	348	31/12	Giá thành vận chuyển	154	1.305.588.632	
			Kết chuyển chi phí sản xuất	154	123.075.569	
31/12	326	31/12	Kết chuyển giá vốn Quý IV	911		7.836.158.690
			Cộng phát sinh Quý IV		7.836.158.690	7.836.158.690
			Cộng lũy kế		106.573.400.554	106.573.400.554

Bảng biểu 2.21 . Trích sổ cái TK 632 (QIV/2009)

2.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kế toán công ty hạch toán chung vào tài khoản 642: chi phí quản lý kinh doanh.

- Chi phí quản lý kinh doanh gồm: Chi phí lương cho công nhân viên, chi phí khấu hao, chi phí điện nước, chi phí cho bán hàng ...

- Chứng từ sử dụng;

+ Hoá đơn GTGT

+ Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán

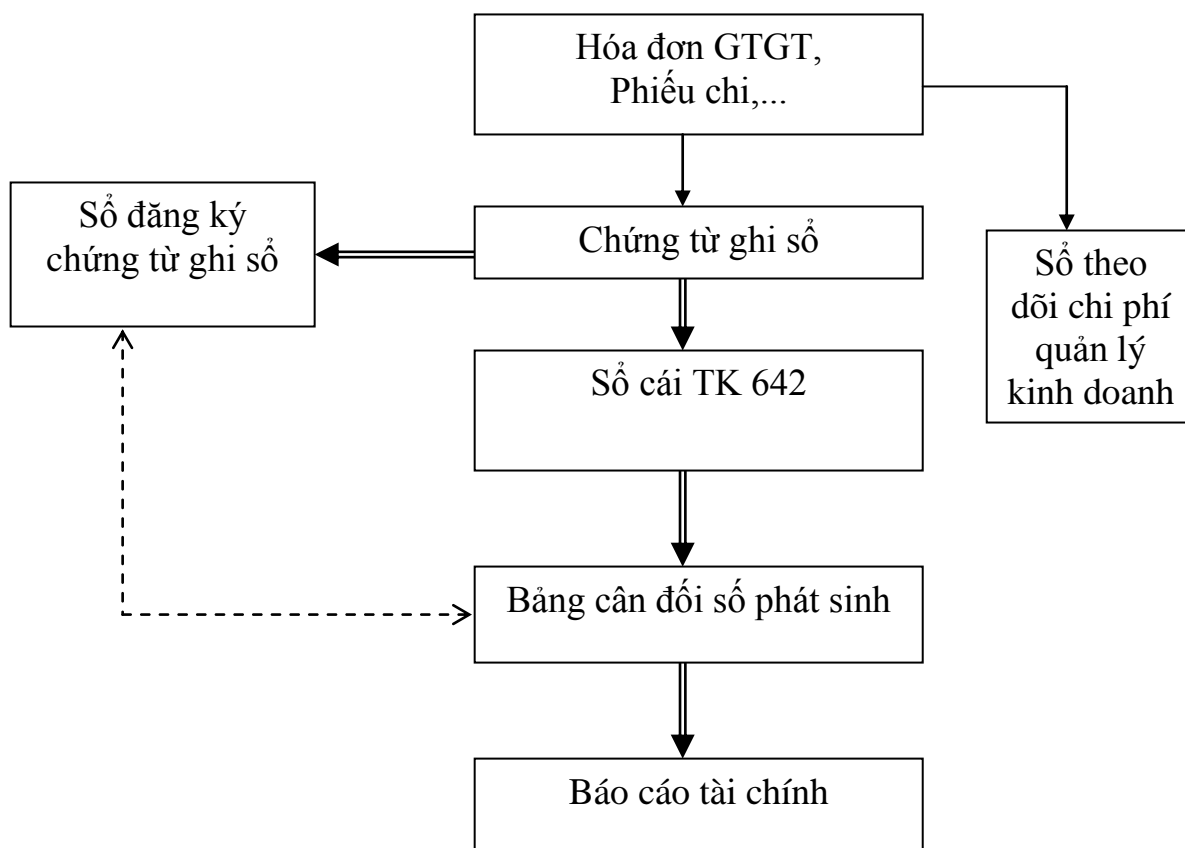
+ bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương

+ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ....

- Tài khoản sử dụng:

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

- Trình tự hạch toán:



Sơ đồ 2.2.3: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Hàng ngày căn cứ các chứng từ liên quan đến hoạt động chung của công ty được quy định là chi phí quản lý kinh doanh. Kế toán ghi vào sổ theo dõi chi phí quản lý kinh doanh

Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ, vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và ghi sổ cái các tài khoản.

Ví dụ:

Căn cứ hoá đơn GTGT 0050685(Biểu 2.22) mua ghế văn phòng Công ty cổ phần nội thất Khương Hải. Kế toán viết phiếu chi (Biểu 2.23), cuối tháng tập hợp chứng từ lập chứng từ ghi sổ (bảng biểu 2.24) ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ(Bảng biểu 2.25). Hàng ngày ghi sổ theo dõi chi phí quản lý (bảng biểu 2.26) và cuối tháng căn cứ chứng từ ghi sổ ghi cái tài khoản 642 (Bảng biểu 2.27)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 29 tháng 12 năm 2009			Mẫu số : 01 GTKT- 3LL CU/2009B 0050685		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần nội thất Khương Hải.....					
Địa chỉ : Tân Dương - Thủy Nguyên - Hải Phòng.....					
Số Tài khoản:					
Điện thoại:MS: 0200656969					
Họ tên người mua hàng: Vũ Hoàng Vinh.....					
Tên đơn vị: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hải Nam					
Địa chỉ: An Lư- Thủy Nguyên- Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: TM.....MS : 0200658685					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Ghế gấp	cái	05	180.000	900.000
2	Ghế xoay	cái	02	395.450	790.900
Cộng tiền hàng:					1.690.900
Thuế suất thuế GTGT: 10%....			Tiền Thuế:		169.090
Tổng cộng tiền thanh toán					1.859.990
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.22

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CPĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
Theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: 198

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Nợ TK 642: 1.690.900
Nợ TK 133: 169.090
Có TK 111: 1.859.990

Họ và tên người nhận tiền : Vũ Hoàng Vinh

Địa chỉ : Phòng vật tư

Lý do chi : Mua ghế Văn Phòng

Số tiền : 1.859.990

Viết bằng chữ : *Một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi đồng chẵn./.*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

+Số tiền quy đổi:

Biểu 2.23

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 352

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Mua bàn làm việc+ ghế gấp	642	111	2.972.720	
Thuế GTGT đầu vào	133	111	297.200	
Bàn làm việc + phím	642	111	1.772.730	
Thuế GTGT đầu vào	133	111	177.270	
Ghế VP	642	111	1.690.900	
Thuế GTGT đầu vào	133	111	169.090	
Cộng			7.079.920	

Kèm theo...6...Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.24: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP ĐT& PT Hải Nam

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
350	31/12	9.967.856
351	31/12	4.641.214
352	31/12	7.079.920
353	31/12	104.188.062
354	31/12	1.189.337
...
Cộng tháng		137.964.340.555
Cộng lũy kế		1.120.869.294.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.25. Trích sổ đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2009

SỔ THEO DÕI CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH
Năm 2009

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Ghi nợ TK 642	Chi tiết các khoản chi				
Số	Ngày tháng				Chi phí khác	Khấu hao	BHXH	BHYT	Lương
.....
0184329	01/12/2009	Mua dầu diezel	111	461.973	461.973				
057517	07/12/2009	Mua bàn ghế làm việc	111	2.972.720	2.972.720				
007768	09/12/2009	Phí BH vật chất ô tô	111	6.504.545	6504.545				
007769	09/12/2009	Phí BH vật chất ô tô	111	350.000	350.000				
...
0050985	29/12/2009	Ghế văn phòng	111	1.690.900					
		Khấu hao TSCĐ	214	6.584.956		6.584.956			
		Xác định BHXH, BHYT nộp	338	2.108.000			1.860.000	284.000	
		XĐ lương phải trả	334	16.700.000					16.700.000
		Cộng tháng 12		154.005.428	128.612.472	6.584.956	1.860.000	284.000	16.700.000
		Cộng Quý IV		263.313.443	183.534.575	19.754.868	5.580.000	744.000	53.700.000
		Cộng lũy kế năm		1.574.294.445	1.315.283.073	46.647.372	16.380.000	2.184.000	193.800.000

Bảng biểu 2.26. Trích sổ theo dõi chi phí quản lý kinh doanh (Tháng 12/2009)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CPĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên Tk: Chi phí quản lý kinh doanh Số hiệu: 642

NT ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
	
31/12	350	31/12	Phí BH vật chất xe ô tô	111	6.854.545	
			Đăng kiểm ô tô	111	252.381	
			Phí kiểm định	111	1.954.762	
	351	31/12	Dầu+xăng	111	4.219.285	
	352	31/12	Bàn làm việc +ghế gấp	111	2.972.720	
			Bàn làm việc + phím	111	1.772.730	
			Ghế văn phòng	111	1.690.900	
...
	356B	31/12	XĐ BHXH phải nộp cho CNV	338.3	1.860.000	
			XĐ BHYT phải nộp cho CNV	338.4	248.000	
	357	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	6.584.956	
	359	31/12	XĐ lương phải trả cho CNV	334	16.700.000	
	361	31/12	Phí chuyển tiền	112	3.418.750	
	326	31/12	K/C chi phí quản lý quý IV	911		263.313.443
			Cộng phát sinh Quý IV		263.313.443	263.313.443
			Cộng lũy kế		1.574.294.445	1.574.294.445

Bảng biểu 2.7. Trích sổ cái TK 642 (tháng 12/2009)

Sinh viên: Trần Thị Phương Lan - QT 1004K

2.2.4: Kế toán chi phí tài chính

2.2.4.1: Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính trong doanh nghiệp.

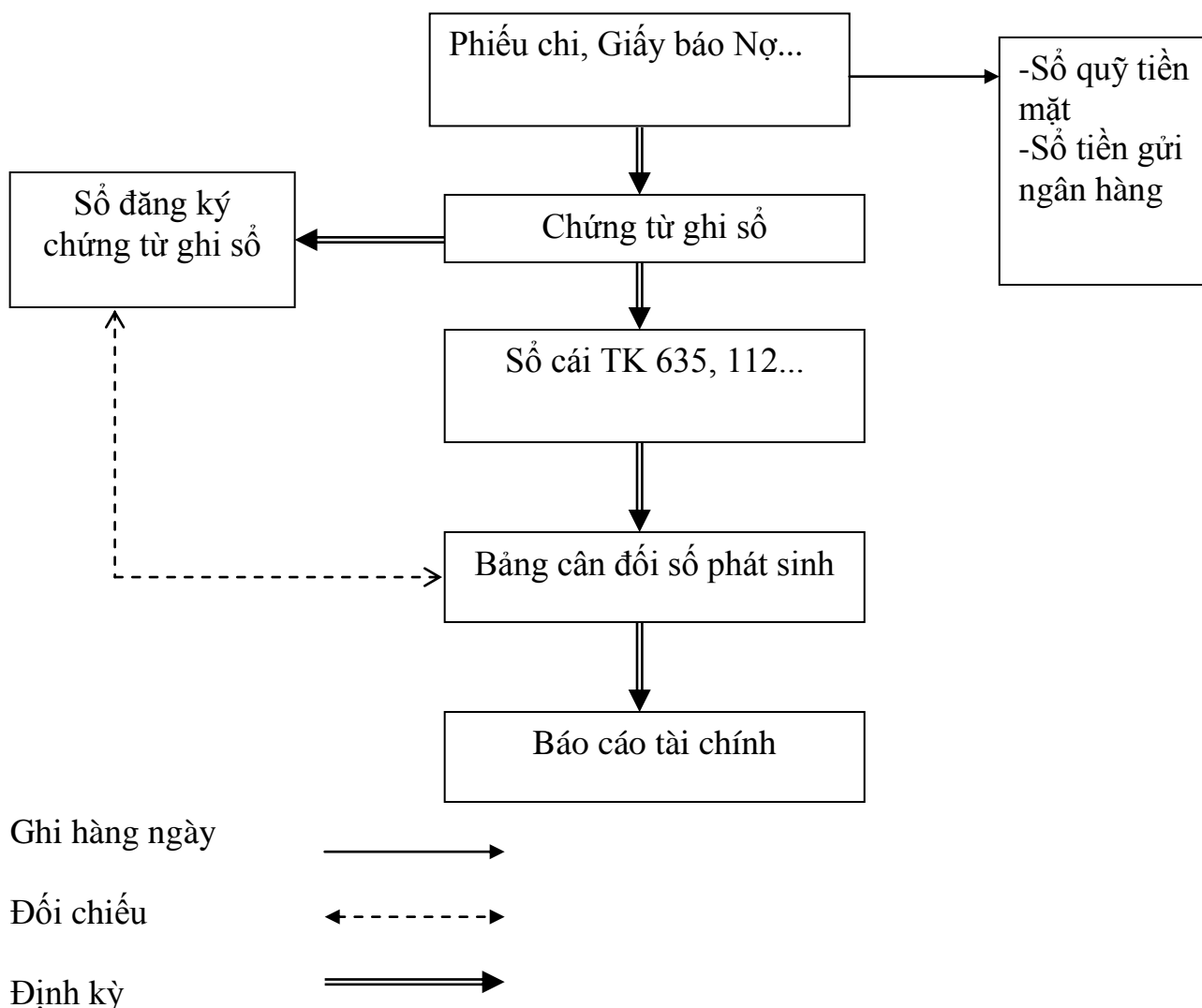
Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí liên quan đến lãi vay phải trả khi doanh nghiệp đi vay ngắn hạn, vay dài hạn. Lãi vay phải trả do mua hàng theo hình thức trả chậm trả góp.
- Chi phí phát sinh liên quan đến đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Lỗ từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết

Tài khoản sử dụng:

TK 635: Chi phí tài chính

- Chứng từ sử dụng
 - + Giấy báo nợ
 - + Phiếu chi
 - + Các chứng từ khác có liên quan
- Quy trình hạch toán chi phí tài chính



Sơ đồ 2.2.4: Quy trình hạch toán chi phí tài chính

Ví dụ: Trả lãi tiền vay ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng tháng 12 số tiền: 125.500.860

Sau khi nhận được giấy báo Nợ từ ngân hàng kê toán tập hợp chứng từ. Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ, vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái tk 635, TK 112 (Bảng biểu 2.28, 2.29, 2.30, 2.31)

Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng

Mã KH: 195360

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 28/12/2009

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hải Nam

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:
Số tài khoản ghi NỢ : 5411245658

Từ ngày	Đến ngày	Tiền lãi
01/12/2009	31/12/2009	125.500.860
Tổng cộng		125.500.860

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn tám trăm sáu mươi VND

Thanh toán viên

Kiểm soát viên

Trưởng phòng

Bảng biểu 2.28

Công ty CPĐT & PT Hải Nam
An lạc- Thủy Nguyên – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 361

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Phí chuyên tiền	642	112	3.418.750	
Trả lãi tàu star	241	112	627.044.100	
Trả khách hàng	331	112	3.020.600.000	
Rút tiền về nhập quỹ	111	112	1.325.000.000	
Trả lãi tiền vay BIDV	635	112	125.500.860	
CK trả lãi tiền vay	635	112	418.189.342	
Cộng			5.519.753.052	

Kèm theo...15..Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.29

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
357	31/12	426.394.619
358	31/12	23.000.000
359	31/12	3.471.126.919
360	31/12	4.162.041.544
361	31/12	5.519.753.052
...
Cộng tháng		137.964.340.555
Cộng lũy kế		1.120.869.294.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.30: Trích Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2009

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên Tk: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
	
			Quý IV/ 2009			
31/10	299	31/10	Trả lãi tiền vay	112	544.975.495	
30/11	323	30/11	Trả lãi tiền vay+ Phí	112	566.902.739	
31/12	361	31/12	Trả lãi tiền vay NH	112	125.500.860	
			Trả lãi tiền vay tư nhân + Phí	112	418.189.342	
31/12	326	31/12	Kết chuyển Chi phí tài chính QIV	911		1.655.568.436
			Cộng phát sinh		1.655.568.436	1.655.568.436
			Cộng lũy kế		7.444.819.104	7.444.819.104

Bảng biểu 2.31

2.2.5: Kế toán Thu nhập khác và chi phí khác

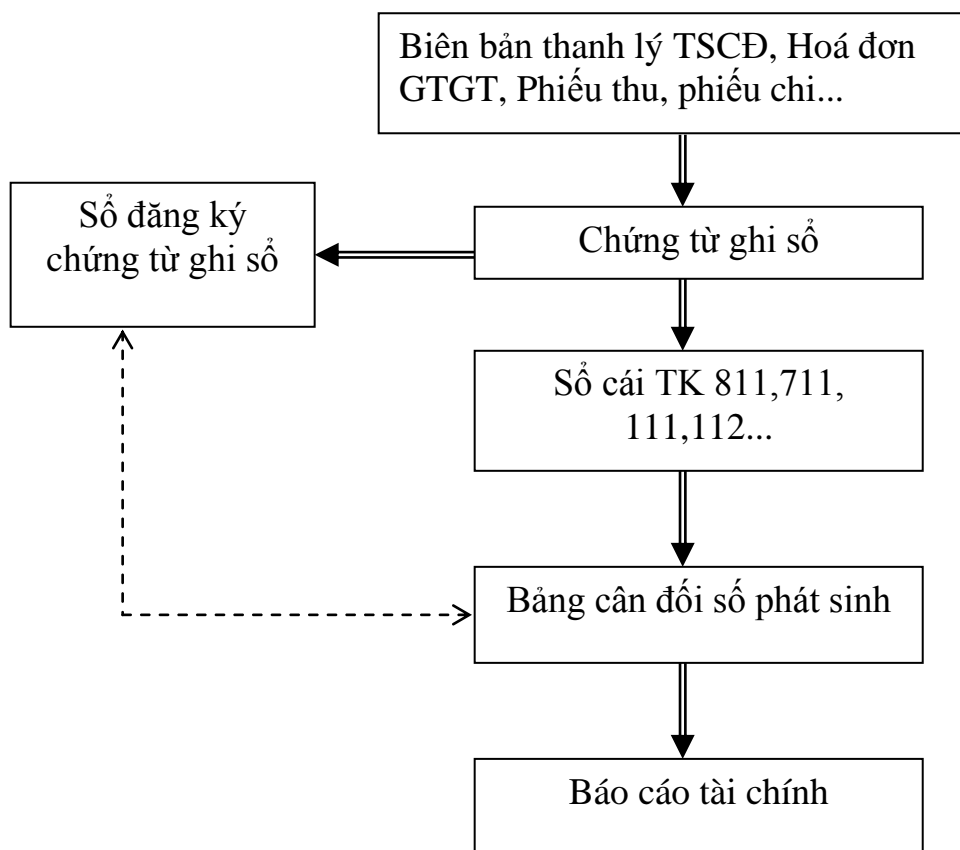
2.2.5.1: Thu nhập khác

- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 711: thu nhập khác
- Các khoản thu nhập khác phát sinh tại công ty:
 - + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
 - + Thu do khách hàng vi phạm hợp đồng
 - + Các khoản thuê được Ngân sách nhà nước hoàn lại
 - + Thu lãi tiền gửi
 - + Thu từ thanh toán hợp đồng Bảo hiểm
- Chứng từ sử dụng:
 - Hoá đơn GTGT
 - Biên bản thanh lý TSCĐ
 - Phiếu thu, uỷ nhiệm thu...
 - Các chứng từ khác liên quan

2.2.5.2. Chi phí khác:

- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 811: Chi phí khác
- Các khoản chi phí khác phát sinh tại công ty:
 - + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
 - + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
 - + Bị phạt thuế, truy nộp thuế
 - + Chi phí khác : chênh lệch hoàn thuế, lãi nộp chậm BHXH- BHYT
- Chứng từ sử dụng:
 - Hoá đơn GTGT
 - Biên bản thanh lý TSCĐ
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ khác liên quan

➤ **Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác:**



Sơ đồ 2.2.5: Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

Ví dụ 1:

Lãi tiền gửi tháng 12/2009 Ngân hàng thương mại Á Châu là 2.358.344

Sau khi nhận được giấy báo Có của ngân hàng về khoản tiền lãi nhập gốc tiền gửi.

Kế toán ghi:

Nợ TK: 112: 2.358.344

Có TK: 711 : 2.358.344

Cuối tháng Kế toán lập chứng từ ghi sổ, vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, ghi sổ cái TK 112, Sổ cái TK 711

(Bảng biểu 2.32, 2.33, 2.34, 2.35, 2.36)

Ví dụ 2:

Trả lãi nộp chậm BHXH+ BHYT tháng 12 bằng tiền mặt 27.000. Kế toán lập phiếu

chi, Cuối tháng Ghi vào chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Sổ cái TK 811

.(Bảng biểu 2.37, 2.38, 2.39, 2.40)

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/12/2009

Kính gửi : Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Hải Nam

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CỐ : 5411245658

Số tiền bằng số : 2.358.344

Số tiền bằng chữ : Hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng chẵn

Nội dung : Lãi nhập gốc.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.32

Công ty CPĐT & PT Hải Nam
An lạc- Thủy Nguyên – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 360

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Lãi tiền gửi	112	711	2.358.344	
Vay vốn tàu Star	112	342	1.397.070.000	
Thu lại tiền đặt cọc máy	112	331	73.530.000	
Công ty KTV trả tiền cước	112	131	978.583.200	
Nộp tiền vào TK	112	111	1.710.500.000	
Cộng			4.162.041.544	

Kèm theo...10..Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.33

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP ĐT& PT Hải Nam

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
356	31/12	13.617.000
357	31/12	426.394.619
358	31/12	27.000.000
359	31/12	3.471.126.919
360	31/12	4.162.041.544
361	31/12	5.519.753.052
...
Cộng tháng		137.964.340.555
Cộng lũy kế		1.120.869.294.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)**Biểu 2.34: Trích Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ 2009**Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lạc- Thủy Nguyên – Hải Phòng**SỔ CÁI**

Năm 2009

Tên Tk: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

ĐVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
			Quý IV/2009			
31/10	298	31/10	Lãi tiền gửi	112		1.755.550
30/11	322	30/11	Lãi tiền gửi	112		1.258.531
31/12	360	31/12	Lãi tiền gửi	112		2.358.344
31/12	325	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	5.372.425	
			Cộng phát sinh QIV		5.372.425	5.372.425
			Cộng lũy kế		287.463.113	287.463.113

Bảng biểu 2.35. Trích sổ cái TK 711 (tháng 12/2009)**Sinh viên: Trần Thị Phương Lan - QT 1004K**

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên Tk: Tiền gửi Ngân hàng

Số hiệu: 112

ĐVT: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
	
			SDDK Tháng 12		<u>1.372.554.218</u>	
31/12	360	31/12	Lãi tiền gửi	711	2.358.344	
			Vay vốn tàu star	342	1.397.070.000	
			Thu lại tiền đặt cọc máy	331	73.530.000	
			Công ty KTV trả tiền cước	131	978.583.200	
			Nộp tiền vào TK	111	1.710.500.000	
31/12	361	31/12	Phí chuyển tiền	642		3.418.750
			Trả lãi tàu star	241		627.044.100
			Trả lãi tiền vay NH	635		125.500.860
			CK trả lãi vay + phí	635		418.189.342
			Trả khách hàng	331		3.020.600.000
			Rút tiền về nhập quỹ	111		1.325.000.0000
			Cộng phát sinh T12		4.162.041.544	5.519.753.052
			SDCK		<u>14.842.710</u>	
			Cộng lũy kế		12.705.893.462	12.712.120.986

Bảng biểu 2.36 (Trích sổ cái TK 112 Tháng 12/2009)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cty CP ĐT &PT Hải Nam
An Lư- Thủy Nguyên- Hải Phòng

Mẫu số02-TT
Theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: 204

Ngày 30 tháng 12 năm 2009 Nợ : **811:27.000**
Có : **111:27.000**

Họ và tên người nhận tiền : **Hoàng Văn Thành**
Địa chỉ : Văn Phòng
Lý do chi : Lãi nộp chậm BHXH+ BHYT

Số tiền : 27.000

Viết bằng chữ : Hai mươi bảy nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Hai mươi bảy nghìn đồng chẵn./.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

+Số tiền quy đổi:

Biểu 2.37. Phiếu chi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 358

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Lãi nộp chậm BHXH+BHYT	811	111	27.000	
Cộng			27.000	

Kèm theo...02..Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Tuấn

Bảng biểu 2.38

Công ty CP ĐT& PT Hải Nam

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
357	31/12	426.394.619
358	31/12	27.000
359	31/12	3.471.126.919
360	31/12	4.162.041.544
...
Cộng tháng		137.964.340.555
Cộng lũy kế		1.120.869.294.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.39 Trích sổ ĐK CTGS năm 2009

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên Tk: chi phí khác

Số hiệu: 811

DVT: VND

NT ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
	
			Quý IV/2009			
31/11	321	31/11	Chênh lệch hoàn thuế	133	456.305	
31/12	358	31/12	Lãi nộp chậm BHXH+ BHYT	111	27.000	
31/12	325	31/12	K/c Chi phí khác	911		483.305
			Cộng lũy kế		3.271.153	3.271.153

Bảng biểu 2.40 Trích sổ cái TK 811/ 2009

2.2.6. Xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác trong doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

TK sử dụng: TK 911, TK421.

$$\begin{array}{l} \text{TỔNG} \\ \text{LỢI} \\ \text{NHUẬN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{LỢI NHUẬN TỪ} \\ \text{HOẠT ĐỘNG} \\ \text{SXXD} \end{array} + \begin{array}{l} \text{LỢI NHUẬN} \\ \text{TỪ HOẠT} \\ \text{ĐỘNG TC} \end{array} + \begin{array}{l} \text{LỢI NHUẬN} \\ \text{KHÁC} \end{array}$$

Tổng lợi nhuận này chính là lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp
Công việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện trên tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh. Vào cuối mỗi quý, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 để xác định kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Ví dụ quý IV/2009:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ = 7.713.177.323

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Giá vốn hàng bán = 7.836.158.690

Lợi nhuận gộp(bh, cung cấp dv) = 7.713.177.323 - 7.836.158.600= -122.981.367

Doanh thu tài chính: không phát sinh

Chi phí tài chính = 1.655.568.436

Chi phí quản lý kinh doanh = 263.313.443

Lợi nhuận thuần từ HĐKD:

= -122.981.367 – 1.655.568.436 – 263.313.443 = - 2.041.863.2466

Thu nhập khác = 5.372.425

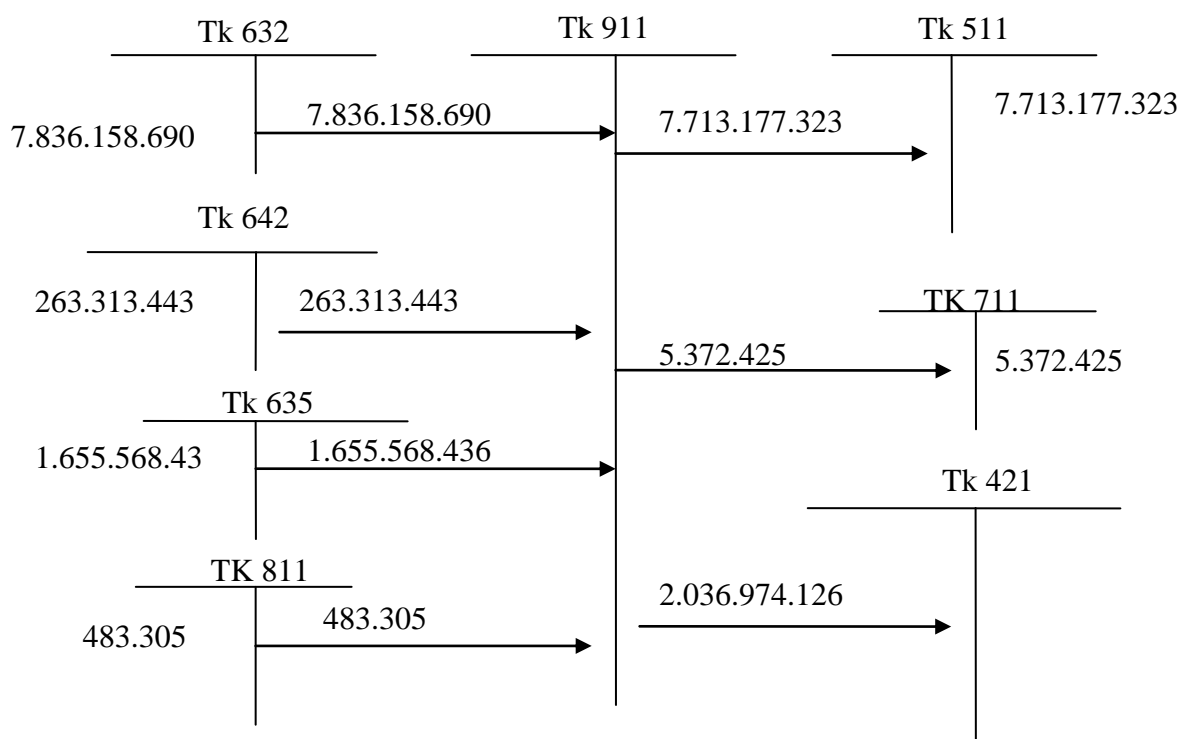
Chi phí khác = 483.305

Tổng lợi nhuận trước thuế

= - 2.041.863.246 + (5.372.425- 483.305) = -2.036.974.126

Kết quả này cho thấy quý IV / 2009 công ty bị lỗ.

Quý IV/ 2009 có sơ đồ



Sơ đồ 2.2.6: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh quý IV năm 2009 công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối quý kế toán lập phiếu kế toán ghi các nghiệp vụ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh, căn cứ vào phiếu kế toán lập chứng từ ghi sổ, ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ cái các tài khoản.

Ví dụ . Trích quý IV /2009

Kế toán lập các phiếu kế toán, từ phiếu kế toán lập Chứng từ ghi sổ liên quan đến kết chuyển doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh (bảng biểu 2.41, 2.42)

Vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (bảng biểu 2.43),

Ghi sổ cái TK 911, TK 421, TK 511, TK 632, TK 635, TK 642, TK 711, TK 811, TK 821...(Bảng biểu 2.44, 2.45)

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 34

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển Giá vốn hàng bán QIV	911	632	7.836.158.690
	Cộng			7.836.158.690

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 35

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển Chi phí tài chính QIV	911	635	1.655.568.436
	Cộng			1.655.568.436

Sinh viên: Trần Thị Phương Lan - QT 1004K

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 36

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển Chi phí Quản lý KD QIV	911	642	263.313.443
	Cộng			263.313.443

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 37

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển Chi phí Khác QIV	911	811	483.305
	Cộng			483.305

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 38

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển Doanh thu bán hàng QIV	511	911	7.713.177.323
	Cộng			7.713.177.323

Công ty CPĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 39

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển Thu nhập khác QIV	711	911	5.372.425
	Cộng			5.372.425

Công ty CPĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 40

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế QIV	421	911	2.036.974.126
	Cộng			2.036.974.126

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 325

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
KC doanh thu bán hàng QIV	511	911	7.713.177.323	
KC Thu nhập khác QIV	711	911	5.372.425	
KC LỖ QIV/2009	421	911	2.036.974.126	
Cộng			9.755.523.874	

Kèm theo...03..Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.41

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 326

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
KC giá vốn hàng bán QIV	911	632	7.836.158.690	
KC Chi phí tài chính	911	635	1.655.568.436	
KC chi phí quản lý KD	911	642	263.313.443	
KC Chi phí khác	911	811	483.305	
Cộng			9.755.523.874	

Kèm theo...04..Chứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.42

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP ĐT& PT Hải Nam

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**Năm 2009**

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
324	31/12	4.987.731.254
325	31/12	9.755.523.874
326	31/12	9.755.523.874
327	31/12	253.988.891
328	31/12	456.305
...
Cộng tháng		137.964.340.555
Cộng lũy kế		1.120.869.294.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)**Bảng biểu 2.43. Trích sổ đăng ký chứng từ ghi sổ năm 2009**

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam

An lạc- Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên Tk: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

ĐVT: VND

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
	
			Quý IV/2009			
31/12	326	31/12	K/C giá vốn hàng bán	632	7.836.158.690	
			K/c Chi phí tài chính	635	1.655.568.436	
			K/c Chi phí quản lý	642	263.313.443	
			K/c Chi phí khác	811	483.305	
31/12	325	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511		7.713.177.323
			K/c Doanh thu khác	711		5.372.425
			K/c lợi nhuận sau thuế	421		2.036.974.126
			Cộng phát sinh		9.755.523.874	9.755.523.874
			Cộng lũy kế		115.595.785.256	115.595.785.256

Bảng Biểu 2.44. Trích sổ cái tài khoản 911 (QIV/2009)**Sinh viên: Trần Thị Phương Lan - QT 1004K**

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên Tk: Lãi chưa phân phối

Số hiệu: 421

ĐVT: VND

NT ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có

			Quý III/2009			
			SDDK		<u>1.114.955.206</u>	
30/09	206	30/09	K/c lỗ	911	134.071.567	
			Cộng phát sinh		134.071.567	
			Dư cuối kỳ		<u>2.921.835.684</u>	
			Quý IV/2009			
			SDDK		<u>2.921.835.684</u>	
31/12	325	31/12	K/c lỗ	911	2.036.974.126	
			Cộng phát sinh		2.036.974.126	
			Dư cuối kỳ		<u>4.958.809.810</u>	

Bảng biểu 2.45. Trích sổ cái TK 421

Sau khi đã xác định xong kết quả kinh doanh, căn cứ vào sổ chi tiết, sổ cái các tài khoản, kế toán tổng hợp và tiến hành lập báo cáo kết quả kinh doanh cho một quý của công ty. báo cáo này phục vụ cho việc quản trị của công ty, cung cấp thông tin cần thiết cho ban giám đốc, các trưởng phòng công ty về tình hình tiêu thụ hàng hoá trong kỳ và từ đó có chiến lược tốt nhất vạch ra cho kỳ doanh thu tiếp theo.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số B02-DNN
Ban hành theo Quyết Định 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/0//2006 của Bộ tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV/2009

CHỈ TIÊU	M S	Thuyết Minh	NĂM NAY
A	B	C	1
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	7.713.177.323
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
Doanh thu thuần về BH và CCDV	10		7.713.177.323
Giá vốn hàng bán	11		7.836.158.690
Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	20		(122.981.367)
Doanh thu hoạt động tài chính	21		
Chi phí tài chính	22		1.655.568.436
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
Chi phí quản lý kinh doanh	24		263.313.443
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.041.863.246)
Thu nhập khác	31		5.372.425
Chi phí khác	31		483.305
Lợi nhuận khác	40		4.889.120
Tổng lợi nhuận trước thuế	50	IV.09	(2.036.974.126)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Tuấn

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Tuấn

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Văn Nam

Bảng Biểu 2.46 : Báo cáo KQKD quý IV /2009

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẢI NAM

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

Nền kinh tế đang vận động và phát triển mạnh mẽ những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi công ty phải đương đầu với rất nhiều khó khăn do cả yếu tố khách quan từ thị trường và cả yếu tố chủ quan từ doanh nghiệp.

Công ty đã giải quyết nhiều việc làm cho toàn bộ công nhân viên đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước và tạo thu nhập ổn định cho người lao động.

Để đạt được thành tích như vậy là nhờ Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có năng lực, trình độ đạo đức, tác phong tốt, có thể đảm đương mọi nhiệm vụ phù hợp với khả năng của mình.

Bên cạnh đó Công ty cũng chú trọng nâng cao trình độ công nhân, bằng việc không ngừng nâng cao bồi dưỡng các nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực vận tải biển, điều này giúp cho cán bộ công nhân viên trong công ty hoạt động nhạy bén hơn, phát huy được khả năng của mình.

Để có thể tồn tại và ngày càng phát triển các doanh nghiệp phải không ngừng nghiên cứu, học hỏi, sáng tạo tìm ra chiến lược kinh doanh hiệu quả nhất cho bản thân doanh nghiệp. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam chủ yếu là vận tải biển, các hợp đồng vận chuyển hàng hoá thu cước. Trong mấy năm gần đây ngành vận tải biển đang chịu nhiều bất ổn và có xu hướng đi xuống do khủng hoảng kinh tế thị trường.

Sau quá trình thực tập, tìm hiểu tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam em nhận thấy công tác kế toán có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1: Ưu điểm:

- Về bộ máy quản lý

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam đã tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả mọi hoạt động của công ty đều do giám đốc điều hành và quản lý.

- Về bộ máy kế toán.

Hệ thống kế toán của công ty đã đi vào nề nếp được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Công ty đã xác định quy chế làm việc rõ ràng, chức năng nhiệm vụ quyền hạn của từng bộ phận trong công ty từ giám đốc đến các phòng ban trong công ty. Mỗi nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao nắm vững chính sách chế độ của của nhà nước cũng như nhiệm vụ của mình, làm việc nhiệt tình có kế hoạch có tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho mọi người có khả năng đi sâu tìm hiểu, nâng cao nhiệm vụ phát huy hết khả năng sức lực của mình. Việc cung cấp số liệu giữa các bộ phận kế toán rất nhanh chóng, chính xác kịp thời và đầy đủ.

- Về tổ chức công tác hạch toán kế toán

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ kế toán của nhà nước, tổ chức mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán của công ty khi phát sinh nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá thì các chứng từ đều được lập đầy đủ, được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ. Chứng từ được lập đều có đầy đủ chữ ký của người liên quan, sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính.

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ tại công ty là hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý của nghiệp vụ. Công ty sử dụng các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực đầy đủ rõ ràng dễ hiểu đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan.

- Về hình thức kế toán

Công ty đã áp dụng chế độ kế toán mới do Bộ tài chính ban hành vào công tác kế toán. Công ty vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, việc áp dụng hình

thức kế toán này trong hạch toán kế toán đảm bảo ghi chép thông tin đầy đủ, chi tiết chính xác, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu sau này, thông qua đó giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết nhanh chóng kết quả kinh doanh của công ty.

3.1.2: Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì công ty còn một số mặt hạn chế nhất định cần khắc phục .

- Công ty còn rất hạn chế trong việc mở sổ chi tiết theo các tài khoản gây trở ngại cho việc theo dõi các đối tượng hàng hoá. Cụ thể đó là:

- + Công ty có mở sổ theo dõi cho hàng hoá thép, nhưng chưa chi tiết cho mặt hàng thép tấm và ống thép. Điều này sẽ gây trở ngại cho công tác tính giá vốn hàng bán và việc theo dõi tồn kho từng mặt hàng. Do trong khâu tính toán giá thành và việc ghi chép sổ sách chưa đảm bảo cho việc tính toán nên trong quá trình kinh doanh tiêu thụ hàng hoá tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam có trường hợp giá vốn hàng bán lớn hơn doanh thu bán hàng. Với những trường hợp này công ty sẽ phải chịu lỗ, gây ảnh hưởng đến hiệu quả chung của công ty. Kế toán công ty cần theo dõi và tính giá thành cho phù hợp.

- + Đối với công tác bán hàng thì việc theo dõi doanh thu và giá vốn là rất quan trọng. Kế toán công ty còn hạn chế mở các sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn hàng bán, sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh theo từng lĩnh vực kinh doanh và chi tiết theo các yếu tố chi phí.

- + Giá thành vận chuyển và chi phí sản xuất kinh doanh chưa có căn cứ xác định rõ ràng, như sổ theo dõi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang mở chung cho cả vận chuyển và than trong đó chưa chi tiết theo từng yếu tố chi phí như nguyên vật liệu, lương, khấu hao.

- + Việc lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản rất hạn chế điều này gây khó khăn cho kế toán trong việc đối chiếu sổ sách tại công ty, cụ thể công ty cần lập

bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa, bảng tổng hợp thanh toán với người mua để đối chiếu với sổ cái tài khoản 156, tài khoản 131

- Việc hạch toán một số tài khoản chưa thực sự đúng với chế độ kế toán hiện hành như :

- + Lãi tiền gửi theo chế độ được hạch toán vào tài khoản 515, nhưng kế toán công ty lại hạch toán vào tài khoản 711.

- Các nghiệp vụ bán hàng và dịch vụ vận chuyển được thanh toán hầu hết bằng tiền mặt điều này chưa phù hợp với thực tế. Các hợp đồng vận chuyển và buôn bán hàng hoá tại công ty theo tính chất vận tải biển thông thường được giao dịch qua ngân hàng sẽ đảm bảo và an toàn cả thời gian và chất lượng thanh toán.

- Công ty chưa có chính sách thu hút khách hàng, tạo thêm nhiều hợp đồng kinh tế như: Chiết khấu thương mại. Bán hàng là nhiệm vụ hết sức quan trọng quyết định lớn đến việc thu được lợi nhuận về cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó vấn đề về cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt quyết liệt, không đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu làm giảm hiệu quả của công tác tiêu thụ hàng hoá, giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.2. Ý nghĩa, yêu cầu và nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

3.2.1. Ý nghĩa

Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó các doanh nghiệp sẽ có các biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hoá, tăng doanh thu cho doanh

ng nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ với nhà nước.

Đối với công tác kế toán hoàn thiện nghiệp vụ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp từ đó sẽ có biện pháp để giải quyết kịp thời những khó khăn và phát huy thêm những thuận lợi nhằm giúp cho doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2. Yêu cầu

Kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực cho công tác quản lý thông qua việc thu thập xử lý tính toán, tổng hợp, cân đối số liệu để cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đáp ứng các yêu cầu sau.

- Nắm vững các chức năng nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác quản lý nói riêng. Hoàn thiện công tác kế toán ngay từ hệ thống chứng từ ban đầu nâng cao tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách dễ dàng, tiết kiệm được chi phí, thời gian. Hệ thống sổ sách kế toán đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc đối chiếu và bám sát tình hình kinh doanh. Công tác kế toán cuối kỳ sẽ được phản ánh chính xác, kịp thời và đáng tin cậy.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên lý thuyết mà phải phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát tình hình thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin phải xác thực phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.2.3. Nguyên tắc

Để đạt hiệu quả cao trong việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán, đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ quản lý. Do đó việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý sáng tạo phù hợp đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu về thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp người quản lý nắm bắt tình hình từ đó đưa ra quyết định đúng đắn và cần thiết.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn càng hiệu quả. Vì vậy không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với hạch toán kinh tế.

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đi vào hoạt động đều không thể tránh khỏi những mặt hạn chế, những điều này sẽ gây cản trở cho hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của doanh nghiệp. Qua một thời gian thực tập tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam em cũng nhận thấy một số hạn chế trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Công ty sẽ hoạt động hiệu quả cao hơn nếu có các biện pháp khắc phục và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Em xin đưa ra một số ý kiến về việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.3.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán chi tiết tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

Việc hoàn thiện về sổ sách kế toán tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam cũng không nhiều phức tạp, công ty cần theo dõi và mở sổ chi tiết cho các tài khoản. Điều này sẽ giúp cho việc quản lý và đưa ra quyết định kinh doanh của lãnh đạo công ty hiệu quả hơn, chính xác hơn.

- Sổ chi tiết hàng hoá để theo dõi cho từng mặt hàng, vì vậy để thuận tiện cho việc theo dõi tính toán số lượng hàng hoá dịch vụ xuất nhập trong kỳ kế toán công ty nên mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, hàng hoá, sản phẩm cho từng loại mặt hàng, không nên lồng ghép các mặt hàng như sổ theo dõi hàng hoá hiện tại công ty đang làm. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam chủ yếu xuất bán mặt hàng than, ống thép và thép tấm vì vậy cần mở sổ chi tiết cho cả 3 mặt hàng này. (Mẫu biểu 3.1)

- Từ hệ thống các sổ chi tiết có thể tổng hợp số liệu vào Bảng tổng hợp chi tiết để dễ đối chiếu sổ cái tài khoản. Cụ thể là các bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, hàng hoá, sản phẩm (mẫu biểu 3.2)

- Khi hạch toán doanh thu công ty cần hạch toán chi tiết bán hàng theo từng loại mặt hàng để có thể nắm được chi tiết từng loại hàng hoá và dịch vụ. Mặc dù công ty có dùng sổ theo dõi Doanh thu bán hàng nhưng để thuận tiện cho việc theo dõi Công ty có thể áp dụng mở sổ chi tiết bán hàng (Bảng biểu 3.3) cho phù hợp với việc áp dụng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

- Đối với giá vốn hàng bán để kiểm tra thông tin về số lượng mặt hàng và dịch vụ vận tải được dễ dàng kế toán công ty nên lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Bảng biểu 3.4)

Mẫu số S10- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ
Năm**

Tên TK:Tên kho.....

Tên , quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá):

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	Ngày				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu kỳ								
		Cộng tháng								
		Số dư cuối kỳ								

Mẫu biểu :3.1. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá

Mẫu số S11- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản:

Tháng..... năm

Stt	Tên quy cách sản phẩm	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền
A	B		1		2		3		4
	Cộng								

Mẫu biểu 3.2. Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá dịch vụ, bất động sản đầu tư).....

Năm:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	số hiệu	ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Mẫu biểu 3.3. Sổ chi tiết bán hàng

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm:

(Dùng cho các tài khoản 154, 642, 632, 141,142, 335)

Tài khoản:

Tên phân xưởng.....

Tên sản phẩm (hàng hoá dịch vụ):

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ TK				
	số hiệu	ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Ghi có TK						
			Số dư cuối kỳ						

Bảng biểu 3.4. Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Ví dụ: Ngày 23/12/ 2009 công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam bán ống thép và thép tấm cho công ty TNHH SX – TM cơ khí Hồng Ký theo Hóa đơn GTGT số 0075956 và số 0075958(Thuế suất 5%). Đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Ống thép: Số lượng : 103.328,5kg Đơn giá xuất : 11.083,7

Thép tấm: Số lượng : 170.700kg Đơn giá xuất : 13.021

Căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan kế toán nhập số liệu vào các sổ. (bảng biểu 3.5, 3.6, 3.7, 3.8).

- Đối với hoạt động mua bán hàng hoá kế toán nên mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) (Mẫu biểu 3.9) và bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua, người bán thuận tiện cho việc theo dõi công nợ, lập kế hoạch thu và trả nợ cho phù hợp.

- Công ty nên mở sổ theo dõi chi phí sản xuất kinh doanh chi tiết theo từng yếu tố chi phí nguyên vật liệu, lương, khấu hao và theo dõi riêng cho vận chuyển và sản xuất than.

Ví dụ. Sổ theo dõi chi phí sản xuất kinh doanh cho vận chuyển (mẫu biểu 3.10)

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S10- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Năm:2009

Tên TK: Hàng hóa

Tên , quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): Ống thép

Loại tiền :VNĐ

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	ĐV T	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	Ngày				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
		
		Tồn đầu tháng 12						460.652,5	5.505.918.061	
PX 167	23/12	Xuất bán ống thép	Kg	11.083,7			103.228,5	1.144.171.195	357.424	4.361.746.866
		Cộng tháng 12					103.228,5	1.144.171.195		
		<u>Tồn cuối tháng 12</u>							357.424	4.361.746.866

Bảng biểu :3.5

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
An lư- Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S11- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản: hàng hoá - 156

Tháng 12 năm 2009

Stt	Tên quy cách sản phẩm	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	ống thép	460.652,5	5.505.918.061			103.228,5	1.144.171.195	357.424	4.361.746.866
2	Thép tấm	251.400,2	3.231.511.260			170.700	2.222.758.760	80.700,2	1.008.752.500
	Cộng	712.052,7	8.737.429.321	-	-	273.928,5	3.366.929.955	438.124,2	5.370.499.366

Bảng biểu 3.6

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam
An lư - Thuỷ nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S35- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm: 2009

Tên sản phẩm (hàng hoá dịch vụ): Thép

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh			Các khoản giảm trừ	
	số hiệu	ngày tháng			Số lượng (kg)	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...
23/12	HĐ0075958	23/12	Bán thép tấm	112	170.700	12.500	2.133.750.000		
23/12	HĐ0075956	23/12	Bán ống thép	112	103.328,5	11.572	1.195.779.280		
			Cộng		452.928.5		4.833.866.184		

Bảng biểu 3.7: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam
An lư -Thủy nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S36- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm: 2009

(Dùng cho các tài khoản 154, 642, 632, 141,142,335)

Tài khoản: 632 - giá vốn hàng bán

Tên sản phẩm (hàng hoá dịch vụ): Hàng hoá thép

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ TK632
	số hiệu	ngày tháng			Số tiền
A	B	C	D	E	1
...
			Quý IV/ 2009		
23/12	PX 167	23/12	Xuất bán ống thép	156	1.144.171.195
23/12	PX 168	23/12	Xuất bán thép tấm	156	2.222.758.760
			Cộng		3.366.929.955

Bảng biểu 3.8. Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam
An lư - Thủy Nguyên - Hải phòng

Mẫu số S34- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Dùng cho tài khoản 131, 331

Tài khoản:.....

Đối tượng:.....

Loại tiền: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh						
								
			Cộng phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						

Bảng biểu 3.9. Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)

SỔ THEO DÕI CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tên hàng hoá, dịch vụ sản xuất kinh doanh: Dịch vụ vận chuyển

Năm 2009

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Chi vận chuyển				
Số	ngày			Vật liệu	Khấu hao	Lương	Khác	Tổng
...
		Tháng 12						
....
HĐ0025910	08/12/09	Phí rút hàng	111				1.331.048	1.331.048
HĐ0044926	13/12/09	ống thép các loại	111	6.921.430				6.921.430
HĐ024186	19/12/09	Nộp phí bảo hiểm tàu	111				43.639.985	43.639.985
HĐ055254	23/12/09	Thuê bao tàu HV36	111				90.000.000	90.000.000
HĐ076347	30/12/09	Phí + lệ phí lí lịch tàu	111				500.000	500.000
PX 201	31/12/09	Xuất dầu cho tàu	152	704.769.943				704.769.943
	31/12/09	XĐ lương phải trả CNV	334			175.300.000		175.300.000
	31/12/09	Trích KH TSCĐ	214		419.809.663			419.809.663
....
		Cộng Tháng 12		711.691.373	419.809.663	175.300.000	135.471.033	1.305.588.632

Mẫu biểu 3.10

3.3.2. Hoàn thiện hệ thống tài khoản

Một số tài khoản kế toán chưa thực hiện đúng như chế độ. Các khoản lãi tiền gửi theo quy định được phản ánh qua tài khoản 515 doanh thu hoạt động tài chính nhưng tại công ty khoản này được phản ánh qua tài khoản 711. Việc hạch toán lãi tiền gửi qua tài khoản 515 có ý nghĩa xác định đúng doanh thu hoạt động tài chính so sánh với chi phí tài chính để biết được lợi nhuận từ hoạt động tài chính trong kỳ.

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh:

- Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi hàng bán trả chậm, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, lãi cho thuê tài chính, chiết khấu thanh toán được hưởng ...
- Thu nhập từ kinh doanh bất động sản, cho thuê tài sản
- Cổ tức và lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn
- Thu nhập về chuyên nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá
- Chênh lệch lãi do chuyên nhượng vốn...

3.3.3. Hoàn thiện hệ thống chứng từ

+ Chứng từ kế toán là những tờ giấy và vật mang tên phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Điều tra đối chiếu các yếu tố cơ bản để hình thành một bản chứng từ hoàn thiện. Xét về mặt lý thuyết thì các chứng từ kế toán Công ty đã sử dụng đều đúng với luật định, áp dụng đúng các loại chứng từ mà bộ luật quy định đối với mỗi doanh nghiệp, tuân thủ chấp hành nghiêm các quy định về luật sửa đổi chứng từ. Thể hiện rõ ý nghĩa chứng từ là một bằng chứng để chứng minh cho tính hợp pháp, hợp lệ của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở Công ty, là căn cứ pháp lý cho mọi số liệu, thông tin kinh tế và là cơ sở số liệu để ghi sổ kế toán. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót trong việc ghi các chứng từ. Kế toán cần ghi đầy đủ nội dung của các chứng từ. Nếu những thiếu sót nhỏ trong việc ghi chép chứng từ cứ

liên tiếp diễn thì chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến Công ty về một số mặt như :
Hạch toán, tính toán và ghi sổ.

3.3.4. Một số giải pháp khác:

- Hoàn thiện công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính và kế toán của Nhà Nước do Bộ tài chính Ban hành. Kế toán có cơ sở xác định đúng, chính xác kết quả kinh doanh cung cấp cho nhà lãnh đạo công ty những thông tin mang tính chất thường xuyên, liên tục và có hệ thống về tình hình hiện có cũng như sự biến động của các khoản mục chi phí phát sinh để lập dự toán chi phí và phân đầu điều tiết các khoản chi phí này cho hiệu quả.

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh nhiều trong quá trình hoạt động vì vậy các nhà quản lý cần biết cụ thể về các yếu tố để lập dự toán chi phí và chủ động điều tiết chi phí. Chi phí quản lý kinh doanh được hạch toán qua tài khoản 642. Kế toán nên hạch toán chi tiết theo các tài khoản cấp 2 để phân tích cụ thể chi phí cho bán hàng, chi phí ở bộ phận văn phòng, và các chi phí chung của doanh nghiệp. Việc làm này là cần thiết vì nó giúp kế toán xác định được các yếu tố chi phí một cách dễ dàng, từ đó có thể đưa ra các giải pháp hữu hiệu đối với các chi phí này.

- Công ty nên chủ động quan tâm đến các chính sách khách hàng tạo ra vị trí cạnh tranh trên thị trường. Công ty nên đầu tư mở rộng các mặt hàng kinh doanh cho phù hợp với nhu cầu thị trường đem lại hiệu quả cao cho quá trình hoạt động, để hỗ trợ và phục hồi cho lĩnh vực vận tải biển đang gặp nhiều khó khăn.

- Ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường, tận dụng yếu tố khách quan thì công ty cũng cần quan tâm đến vấn đề nhân sự. Riêng đối với nhân viên kế toán cần tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ nghiệp vụ tin học, vì hiện nay trong phòng kế toán tuy đã được trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in nhưng vẫn chưa tận dụng hết khả năng của máy tính, đặc biệt là hiệu quả làm việc của excel, và một số phần mềm được áp dụng.

Kết luận

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tế cao. Trong công tác quản lý kinh tế đặc biệt là trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò quan trọng, quyết định sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Do vậy để kế toán phát triển được vai trò này thì việc thực hiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một điều tất yếu. Trên góc độ cán bộ kế toán, em nghĩ rằng cần phải nhận thức đầy đủ về lý luận và thực tế dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình thực tập tốt nghiệp, với sự chỉ đạo tận tình của giáo viên hướng dẫn: Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị trong phòng kế toán Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Hải Nam đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: *Hoàn thiện tổ chức công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.*

Nội dung của đề tài khóa luận này rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự thông cảm và những đóng góp từ phía thầy cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô giáo thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh người đã trực tiếp hướng dẫn em.

Hải Phòng, ngày... tháng...năm..2010

Sinh viên

Trần Thị Phương Lan